

Số: /QĐ-UBND Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng, quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 68/QĐ-BNNMT ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp, cụ thể:

1. Cấp tỉnh:

- Sửa đổi, bổ sung: 11 thủ tục hành chính.
- Bãi bỏ: 01 thủ tục hành chính.

2. Cấp xã: Sửa đổi, bổ sung 05 thủ tục hành chính.

(Có phụ lục kèm theo, gồm: Phần A. Danh mục thủ tục hành chính; Phần B. Nội dung; thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cần phải số hóa đối với từng thủ tục hành chính)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai danh mục thủ tục hành chính tại nơi tiếp nhận hồ sơ, Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị theo đúng quy định.

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật tất cả nội dung của thủ tục hành chính lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tích hợp, đồng bộ thủ tục hành chính lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; cập nhật quy trình nội bộ, liên thông và điện tử của thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Bãi bỏ các thủ tục hành chính có số thứ tự 2, 7, 20, 21, 9, 12, 17, 24, 26, 27, 29, 30, 31, 32 Mục XV Phần A Phụ lục 1 và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính này tại Mục XV Phần B Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung; thay thế và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Bãi bỏ các thủ tục hành chính có số thứ tự 1, 2, 3 mục XII Phần A và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính này tại Mục XII Phần B ban hành kèm theo Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PVP, P.KT, TTPVHCC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Ảnh).

CHỦ TỊCH

Phạm Thành Ngại

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

PHẦN A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Phí, lệ phí		TTHC liên thông, không phụ thuộc địa giới hành chính (phi địa giới)			Dịch vụ công trực tuyến			Dịch vụ BCCI	Ghi chú
			Phí	Lệ phí	Cùng cấp	02 cấp	Phi địa giới	Toàn trình	Một phần	Cung cấp thông tin		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
A. CẤP TỈNH												
Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung												
1	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản					x	x			x	
2	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản					x	x			x	
3	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản					x	x			x	
4	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản					x	x			x	
5	1.004929	Cấp phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần					x	x			x	
6	1.004694	Công bố mở cảng cá loại I, loại II					x	x			x	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Phí, lệ phí		TTHC liên thông, không phụ thuộc địa giới hành chính (phi địa giới)			Dịch vụ công trực tuyến			Dịch vụ BCCI	Ghi chú
			Phí	Lệ phí	Cùng cấp	02 cấp	Phi địa giới	Toàn trình	Một phần	Cung cấp thông tin		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
7	1.003590	Thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	x				x	x			X	
8	1.003563	Chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	x				x	x			x	
9	1.003851	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (vì mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu, hợp tác quốc tế)					x		x		x	
10	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)					x	x			x	
11	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)					x	x			x	
B. CẤP XÃ												
Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung												
1	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III					x	x			x	
2	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)					x	x			x	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Phí, lệ phí		TTHC liên thông, không phụ thuộc địa giới hành chính (phi địa giới)			Dịch vụ công trực tuyến			Dịch vụ BCCI	Ghi chú
			Phí	Lệ phí	Cùng cấp	02 cấp	Phi địa giới	Toàn trình	Một phần	Cung cấp thông tin		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)					x	x			x	
4	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng					x	x			x	
5	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên					x	x			x	

PHẦN B. NỘI DUNG; THÀNH PHẦN HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẦN PHẢI SỐ HÓA ĐỐI VỚI TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. CẤP TỈNH

1. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản - Mã TTHC: 1.003650

(1) Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp đăng ký tàu cá trên địa bàn làm thủ tục đăng ký, vào Sổ đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 và cấp Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá theo Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - 0273.3993890 tại địa chỉ: số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - 0277.3898962 tại địa chỉ: số 10, Lê Thị Riêng, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.

- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Hồ sơ đối với tàu đóng mới gồm:

- Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên. Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

b) Đối với tàu cá cải hoán gồm:

- Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên. Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

- Giấy chứng nhận cải hoán đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Giấy chứng nhận đăng ký cũ.

c) Đối với tàu cá mua bán, tặng cho trong nước, gồm:

- Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định;

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp mua bán ngoài tỉnh, thành phố.

d) Đối với tàu cá nhập khẩu, tặng cho, viện trợ, gồm:

- Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-

BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên. Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu

- Bản sao có chứng thực Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan

đ) Đối với tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, gồm:

- Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên. Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, tàu công vụ thủy sản đã qua sử dụng;

- Bản sao có chứng thực Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

- Bản chính hợp đồng thuê tàu trần.

e) Đối với tàu cá trường hợp chủ tàu thay đổi nơi cư trú ngoài tỉnh, thành phố, gồm:

- Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

g) Đối với tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản đang hoạt động trước ngày Thông tư này có hiệu lực

- Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02c.ĐK Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên. Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

- **Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

(5) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 04p.BĐ, Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V; Mẫu số 02a.ĐK, Mẫu số 02c.ĐK, Mẫu số 03.ĐKT, Mẫu số 04.ĐKT, Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá

* *Hồ sơ đối với tàu đóng mới gồm:*

- Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản;

- Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp;

- Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá còn hiệu lực đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

** Hồ sơ đối với tàu cải hoán gồm:*

- Tờ khai đăng ký;

- Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá còn hiệu lực đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

- Giấy chứng nhận cải hoán đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên;

- Giấy chứng nhận đăng ký cũ.

** Hồ sơ đối với tàu được mua bán, tặng cho trong nước gồm:*

- Tờ khai đăng ký;

- Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định;

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp mua bán ngoài tỉnh.

** Đối với tàu cá nhập khẩu, tặng cho, viện trợ, gồm:*

- Tờ khai đăng ký;

- Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá còn hiệu lực đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, đã qua sử dụng;

- Bản sao có chứng thực Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan

** Hồ sơ đối với tàu thuộc diện thuê tàu trần gồm:*

- Tờ khai đăng ký;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá còn hiệu lực đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, tàu công vụ thủy sản đã qua sử dụng;

- Bản sao có chứng thực Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

- Bản chính hợp đồng thuê tàu trần.

** Đối với tàu cá trường hợp chủ tàu thay đổi nơi cư trú ngoài tỉnh, thành phố, gồm:*

- Tờ khai đăng ký theo Mẫu

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

** Đối với tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản đang hoạt động trước ngày Thông tư này có hiệu lực*

- Tờ khai đăng ký;

- Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu còn hiệu lực đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

Mẫu số 02a.ĐKT

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CC:.....

Số điện thoại:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Cảng đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): $L_{\max} = \dots\dots\dots$; $B_{\max} = \dots\dots\dots$; $D = \dots\dots\dots$

$L_{tk} = \dots\dots\dots$; $B_{tk} = \dots\dots\dots$; $d = \dots\dots\dots$

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, (DW):Số thuyền viên, người.....

Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ ĐỐI VỚI TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CC:.....

Số điện thoại:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu

- Tên tàu:

- Công dụng:.....

- Chủ tàu:

- Khu vực nuôi trồng thủy sản:, theo giấy phép số:, ngày

Docấp.

Thông số cơ bản của tàu (m): L_{max} =.....; B_{max} =.....; D =.....

L_{tk} =.....; B_{tk} ...=.....; d =.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, (DW):Số thuyền viên, người.....

- Máy chính:

TT	Hãng/nước sản xuất	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

2. Nguồn gốc tàu⁽¹⁾ (ghi rõ tên, địa chỉ cơ sở nơi tàu được đóng mới hoặc tên địa chỉ chủ tàu bán, tặng, cho nếu tàu được mua, nhận tặng cho. Ghi rõ năm đóng mới, cải hoán hoặc mua, nhận tặng cho):

.....

- Hồ sơ kèm theo (nếu có), gồm:

- ☐ Giấy tờ mua bán theo quy định của pháp luật.
- ☐ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký cũ (đối với trường hợp mua, nhận tặng cho).

- Các giấy tờ hợp pháp khác

.....
 .

- Hiện tại tàu thuộc sở hữu của và không có tranh chấp với bất cứ tổ chức cá nhân nào về quyền sở hữu.

3. Tôi xin cam đoan

- a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai.
- b) Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, không sử dụng tàu để tham gia hoạt động khai thác thủy sản./.

CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Áp dụng đối với tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản đang hoạt động chưa đăng ký

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /GCNXX

....., ngày... tháng ... năm 20..

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG

Tên sản phẩm:.....

Nơi đóng:.....

Địa chỉ:.....

Năm đóng:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm:

Thông số cơ bản của tàu: Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:.....; cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc đóng mới, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /GCNXX

....., ngày...tháng...năm...

GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

Tên sản phẩm:.....

Nơi cải hoán, sửa chữa:.....

Địa chỉ:.....

Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm.. đến ngày ... tháng ...năm...

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm phê duyệt thiết kế:

Thông số cơ bản trước cải hoán/sửa chữa (m): $L_{\max}=.....; B_{\max}=.....; D=.....$ $L_{tk} =.....; B_{tk...}=.....; d=.....$

Vật liệu vỏ:....., Cáp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Thông số cơ bản sau cải hoán/ sửa chữa (m): $L_{\max}=.....; B_{\max}=.....; D=.....$ $L_{tk} =.....; B_{tk...}=.....; d=.....$

Vật liệu vỏ:....., Cáp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc cải hoán/ sửa chữa, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ CÓ CHIỀU DÀI LỚN NHẤT DƯỚI 12 MÉT
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC...

....., ngày tháng ... năm 20...



BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ
(Tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét)

Tên tàu:....., Số đăng ký(*):

Nơi kiểm tra:.....

Theo yêu cầu:..... ; Ngày tháng năm.....

Của:.....

Chúng tôi gồm:.....

Đăng kiểm viên của:.....

Tiến hành kiểm tra và xác nhận tàu cá có đặc điểm cơ bản như sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Nơi đăng ký(*):

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Vật liệu vỏ:; Nghề kiếm:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

.....

.....

Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản.

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Ghi chú: (*) Ghi trong trường hợp cải hoán.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**

Số:...../ĐKTC

N⁰**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness****GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ*****Technical and safety certificate of fishing vessel***

Tên tàu:..... Số đăng ký: Hô hiệu:
Name of vessel..... *Registration number*..... *Call sign*.....
 Chủ tàu: (*Vessel's owner*)..... Quốc tịch: (*Flag*).....
 Địa chỉ: (*Address*).....
 Năm và nơi đóng: (*Year and Place of Build*).....
 Công dụng (nghề): Vật liệu thân, vỏ:
Used for (fishing gear)..... *Materials*.....
 Tổng dung tích: Trọng tải toàn phần: Số thuyền viên:
Gross tonnage..... *Deadweight*..... *Number of crew*.....
 Chiều dài, L_{max}:(m) Chiều rộng, B_{max}:(m) Chiều cao mạn, D:(m)
Length overal..... *Breadth overal*..... *Draught*.....
 Chiều dài thiết kế, L_{tk}:(m) Chiều rộng thiết kế, B_{tk}:(m) Chiều chìm, d:(m)
Length..... *Breadth*..... *Depth*.....
 Tổng công suất máy chính, Ne (KW): Số lượng máy chính:.....
Total Power..... *Number of Engines*.....

TT	Ký hiệu máy <i>Type of machine</i>	Số máy <i>Number engines</i>	Công suất, Ne (kW) <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and Place of Build</i>

- Căn cứ vào quy phạm và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước và biên bản kiểm tra kỹ thuật số/ĐKTC, ngày tháng năm

Pursuant to the vessel's technical check minute no:..... dated on

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

Fishing vessel register certify that

- Trạng thái kỹ thuật của tàu: (*Technical state of the fishing vessel*).....

- Cấp tàu <i>The class</i>	Không hạn chế <i>Unlimited</i>	Hạn chế I <i>Limitations I</i>	Hạn chế II <i>Limitations II</i>	Hạn chế III <i>Limitations III</i>

Được phép hoạt động tại:.....

Allowed to operate at.....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: ngày tháng năm

This certificate is valid until *Date*.....

Cấp tại ngàytháng.....năm.....

Issued at *Date*.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.

MẪU SỔ DANH BẠ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ**1. Mặt ngoài của trang bìa**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Số đăng ký:

Chủ tàu:.....

Số sổ:.....

Năm.....

Quy cách sổ:

- Kích thước: A5 (14,8 x 21) cm;
- Bìa nền màu đỏ, các trang nền màu trắng

2. Trang 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Số đăng ký:

Chiều dài tàu:

Nơi đăng ký:

Chủ tàu:; Điện thoại:

Ngày tháng năm sinh:; Số định danh cá nhân:

Nơi thường trú:.....

Sổ danh bạ này gồm 120 trang,

được đánh số thứ tự từ 01 đến 120

.....Ngày tháng.....năm.....

CHI CỤC

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Năm.....

3. Trang 2

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THUYỀN VIÊN

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Chức danh	Số văn bằng/ chứng chỉ	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
6						
...						
...						

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

..... Ngày tháng năm
XÁC NHẬN CỦA CHI CỤC
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

4. Trang 3 đến trang 18

THAY ĐỔI, BỔ SUNG DANH SÁCH THUYỀN VIÊN

TT	Thuyền viên được thay		Thuyền viên mới				Ghi chú
	Họ và tên	Chức danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Số văn bằng, chứng chỉ	
1							
2							
3							
4							
5							
6							
....							
....							

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

.....Ngày tháng.....năm.....

XÁC NHẬN CỦA BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

5. Trang 19 đến trang 120:

CHỨNG THỰC CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA, KIỂM SOÁT

Rời cảng	Xuất bến
Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá: Ngày..... tháng năm Nội dung:..... Nhận xét: Tổ chức quản lý cảng cá <i>(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>	Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng: Ngày..... tháng năm Gồm:.....người (...Nam,...Nữ) Nhận xét: Trạm Kiểm soát Biên phòng <i>(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>
Cấp cảng	Nhập bến
Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá: Ngày..... tháng năm Nội dung:..... Nhận xét: Tổ chức quản lý cảng cá <i>(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>	Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng: Ngày..... tháng năm Gồm:.....người (...Nam,...Nữ) Nhận xét: Trạm Kiểm soát Biên phòng <i>(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>

2. Tên thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản - Mã TTHC: 1.003634

(1) Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp đăng ký tàu cá trên địa bàn cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - 0273.3993890 tại địa chỉ: số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - 0277.3898962 tại địa chỉ: số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do;

c) Ảnh màu hai bên mạn tàu (9 x 12 cm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 07.ĐKT VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập

khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá

- Tờ khai đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu;
- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký, trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do;
- c) Ảnh màu hai bên mạn tàu (9 x 12 cm).

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.

**MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi:

Họ tên người khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CC:.....

Số điện thoại:.....

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu:

Tên tàu:; Số đăng ký:.....

Năm, nơi đóng:.....

Nơi đăng ký:.....

Thông số cơ bản của tàu: $L_{\max}$ =; $B_{\max}$ =; D =

L_{tk} =; B_{tk} =; d =

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, tấn:Số thuyền viên, người.....

Nghề chính:Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ)():**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Căn cước công dân	Giá trị cổ phần

3. Lý do đề nghị cấp lại:

Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đúng sự thật.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

3. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản - Mã TTHC: 1.003586

(1) Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá theo Mẫu số 09.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu công vụ thủy sản cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - 0273.3993890 tại địa chỉ: số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - 0277.3898962 tại địa chỉ: số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá theo Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, hợp đồng đóng tàu, biên bản nghiệm thu xuất xưởng;

c) Bản sao có chứng thực các giấy tờ đối với tàu nhập khẩu, thuê tàu trần từ nước ngoài về cảng đầu tiên của Việt Nam, gồm: Văn bản cho phép nhập khẩu hoặc thuê tàu trần, hợp đồng đóng tàu và thanh lý hợp đồng đóng tàu đối với tàu đóng mới, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật hoặc giấy chứng nhận phân cấp còn hiệu lực từ 06 tháng trở lên do tổ chức đăng kiểm nước có tàu cấp;

d) Ảnh màu hai bên mạn tàu (kích thước: 9 x 12 cm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 08.ĐKT, Mẫu số 09.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá

- a) Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá;
- b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, hợp đồng đóng tàu, biên bản nghiệm thu xuất xưởng;
- c) Bản sao có chứng thực các giấy tờ đối với tàu nhập khẩu, thuê tàu trần từ nước ngoài về cảng đầu tiên của Việt Nam, gồm: Văn bản cho phép nhập khẩu hoặc thuê tàu trần, hợp đồng đóng tàu và thanh lý hợp đồng đóng tàu đối với tàu đóng mới, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật hoặc giấy chứng nhận phân cấp còn hiệu lực từ 06 tháng trở lên do tổ chức đăng kiểm nước có tàu cấp;
- d) Ảnh màu hai bên mạn tàu (kích thước: 9 x 12 cm).

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

**MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ**

Declaration for temporary registration of fishing vessel

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp đăng ký tàu cá)*

To: (Name of competent authority registration of fishing vessel, ships duty fisheries)

Người đề nghị:.....

Applicant

Nơi thường trú:

Residential Address:

Số CCCD/CC:.....

Identity card:

Số Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá.....Cơ quan cấp.....

Number of certificate of deregistration of fishing vessel.....Granting agencies.....

Mã số doanh nghiệp (nếu có):.....

Business code (if any):

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*) với nội dung dưới đây:

Kindly for temporary registration of fishing vessel/ships duty fisheries^()with the following particulars:*

1. Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu:

Basic specifications of ship

Tên tàu:

Hồ hiệu:

Name of Vessel

Call sign

Kiểu tàu:

Vật liệu:

Type of Vessel

Materials

Công dụng/ngành:

Used for/fishing gears

Năm và nơi đóng

Year and Place of Build

Chiều dài lớn nhất L_{max}

Chiều dài thiết kế L_{tk}

Length overall

Length

Chiều rộng lớn nhất B_{max}

Chiều rộng thiết kế B_{tk}

Breadth overall

Breadth

Chiều cao mạn D

Chiều chìm d

Draught

Depth

Tổng dung tích:

Trọng tải toàn phần:

Gross tonnage (GT)

Deadweight (DW)

Số lượng máy

Tổng công suất.....

Number of engines

Total Power

Kiểu máy <i>Type</i>	Số máy <i>Number</i>	Công suất <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufacture</i>

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

The name, address and value of shares of each ownership

TT	Họ và tên <i>Full name</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Số CCCD Identification <i>number</i>	Giá trị cổ phần <i>Equity value</i>

3. Lý do xin đăng ký tạm thời tàu:

Reasons to temporary registration of ship

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

I pledge to use the vessel in accordance with the registered content and strictly comply with the provisions of the law of the Vietnamese.

....., ngày tháng năm

Date.....

CHỦ TÀU

Shipowner

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(*sign, full name and stamp*)

Ghi chú (note):

* Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Chi cục có quản lý về thủy sản (the provincial fisheries management agency is the Sub-department of Fisheries)

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

N^o



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ

Certificate of temporary registration of import Fishing Vessel

Chứng nhận tàu cá có các thông số dưới đây đã được đăng ký:

Hereby certifies that the fishing vessel with the following specifications has been temporarily registered

Tên tàu:	Hồ hiệu:	
<i>Name of Vessel</i>	<i>Signal Letters</i>	
Chủ tàu:	Nơi thường trú:	
<i>Vessel owner</i>	<i>Residential Address</i>	
Số CCCD/CC/ĐKKD	Công dụng (nghề):	
<i>Identity card</i>	<i>Used for (fishing)</i>	
Tổng dung tích, GT:	Trọng tải toàn phần:	
<i>Gross Tonnage</i>	<i>Dead weight</i>	
Chiều dài L _{max} , m:	Chiều rộng B _{max} , m:	
<i>Length overall</i>	<i>Breadth overall</i>	
Chiều dài thiết kế L _{tk} , m:	Chiều rộng thiết kế B _{tk} , m:	
<i>Length</i>	<i>Breadth</i>	
Chiều cao mạn D, m:	Chiều chìm d, m:	
<i>Draught</i>	<i>Depth</i>	
Kiểu tàu:	Tốc độ tự do hl/h:	
<i>Type of Vessel</i>	<i>Speed</i>	
Vật liệu vỏ:	Năm và nơi đóng:	
<i>Materials</i>	<i>Year and Place of Build</i>	
Số lượng máy:	Tổng công suất (kW):	
<i>Number of Engines</i>	<i>Total power</i>	
Ký hiệu máy	Công suất (kW)	Năm và nơi chế tạo
<i>Type of machine</i>	<i>Power</i>	<i>Year and place of manufacture</i>
.....		
Nơi đăng ký:	Cơ sở đăng kiểm tàu cá:	
<i>Place Registry</i>	<i>Register of Vessels</i>	
Số đăng ký:	Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày	
<i>Number or registry</i>	<i>This certificate is valid until</i>	

Cấp tại ..., ngàytháng....năm.....

Issued at Date

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU
(Ký tên/ký số và đóng dấu)

4. Tên thủ tục: Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản - Mã TTHC: 1.003681

(1) Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản bán, tặng, cho, thừa kế hoặc tàu công vụ thủy sản, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký theo Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trả hồ sơ đăng ký gốc của tàu và giấy chứng nhận đăng ký cũ đã cắt góc phía trên bên phải cho chủ tàu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản phá hủy, phá dỡ

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh tổ chức kiểm tra thực tế, lập biên bản xác minh tình trạng của tàu theo Mẫu số 11.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực tế, nếu xác định tàu đã được phá hủy, phá dỡ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu theo Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trả hồ sơ đăng ký gốc của tàu và giấy chứng nhận đăng ký cũ đã cắt góc phía trên bên phải cho chủ tàu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Đối với tàu cá Việt Nam xuất khẩu, viện trợ

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh đối chiếu Danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định. Trường hợp không thuộc danh sách tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định của Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trả hồ sơ đăng ký gốc của tàu và giấy chứng nhận đăng ký cũ đã cắt góc phía trên bên phải cho chủ tàu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

e) Đối với tàu bị chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt, sau 30 ngày kể từ ngày tàu bị chìm đắm, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh lập biên bản xác nhận tình trạng của tàu theo Mẫu số 12.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 và xóa tên tàu trong Sổ đăng ký tàu.

g) Đối với tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy: chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản về việc tàu cá đã bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy (bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quốc gia bắt giữ, xử lý hoặc văn bản xác nhận của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài), cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh xóa tên tàu cá trong Sổ đăng ký tàu và thông báo đến chính quyền địa phương nơi chủ tàu cư trú, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để đăng tải trên trang thông tin điện tử.

h) Đối với tàu cá được cơ quan đăng ký tàu cá thông báo tới chủ tàu cá, thông tin tìm kiếm trên phương tiện truyền thông 06 tháng nhưng không có thông tin: cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh xóa tên tàu trong Sổ đăng ký tàu và thông báo đến chính quyền địa phương nơi chủ tàu cư trú, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng để phối hợp quản lý; đồng thời gửi cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để đăng tải trên trang thông tin điện tử.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - 0273.3993890 tại địa chỉ: số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 – 0277.3898962 tại địa chỉ: số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

Tờ khai xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản bán, tặng, cho, thừa kế: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định;
- Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản phá hủy, phá dỡ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định;
- Đối với tàu cá Việt Nam xuất khẩu, viện trợ: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định;
- Đối với tàu bị chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt: 30 ngày kể từ ngày tàu bị chìm đắm;
- Đối với tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy: 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản về việc tàu cá đã bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy (bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quốc gia bắt giữ, xử lý hoặc văn bản xác nhận của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài);
- Đối với tàu cá được cơ quan đăng ký tàu cá thông báo tới chủ tàu cá, thông tin tìm kiếm trên phương tiện truyền thông 06 tháng nhưng không có thông tin.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 10.ĐKT; Mẫu số 11.ĐKT; Mẫu số 12.ĐKT; Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá

- Tờ khai xóa đăng ký tàu cá;
- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá

Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.

MẪU TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)

Kính gửi:(1).....

Đề nghị xóa đăng ký...(2)... với các thông số dưới đây kể từ ngày .../.../20..
Kindly deregister the with the following particulars from date

Tên(3)..... Hồ hiệu/số IMO:

Name

Call sign/IMO number

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ và tỉ lệ sở hữu):

Shipowner (name, address and ratio of ownership)

Người đề nghị xóa đăng ký (tên, địa chỉ):

Applicant (name, address)

Nơi đăng ký:

Place of registry

Số đăng ký:; Ngày đăng ký:

Number of registration

Date of registration

Cơ quan đăng ký:

The Registrar of ship

Lý do xin xóa đăng ký⁽⁴⁾

Reasons to deregister

Date....., ngày ... tháng ... năm...

CHỦ SỞ HỮU

Owner

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký *The ship Registration office*

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu cá, tàu công vụ thủy sản

Type of transport facility registration/registry (vessel, public service ship)

(3) Tên phương tiện *(Name of transport facility)*

(4) Ghi rõ lý do xóa đăng ký (phá dỡ, phá hủy, bán, tặng cho, xuất khẩu, ...)

Note the reason to deregister (demolish, destroy, sell, give away, export, ...).

(*) Xuất trình kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký cũ hoặc nộp bản cam kết nêu rõ lý do trong trường hợp bị mất.

(Please present the old registration certificate or submit a written statement explaining the reason in case of loss).

MẪU BIÊN BẢN XÁC MINH TÌNH TRẠNG TÀU CÁ XÓA ĐĂNG KÝ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN XÁC MINH TÌNH TRẠNG TÀU CÁ XÓA ĐĂNG KÝ

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị xóa đăng ký tàu cá tại Tờ khai xóa đăng ký tàu cá ngàytháng ... năm 20 ... của chủ tàu.

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi gồm có:

Người thực hiện xác minh

1. Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản:

2. Đại diện Ủy ban nhân dân xã:

3. Chủ tàu cá:, số CCCD:

Cùng nhau kiểm tra và xác nhận như sau:

1. Tàu cá có đặc điểm cơ bản sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Nơi đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

3. Tình trạng tàu tại thời điểm kiểm tra

- a) Phần thân tàu:
-
- b) Phần máy tàu:
-
- c) Phần trang thiết bị:
-

4. Kết luận:

Tại thời điểm kiểm tra, tàu đã được (phá dỡ, phá hủy, không còn khả năng hoạt động):
.....

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

.....

.....

.....

Biên bản kết thúc vào lúc ... ngày tháng năm 20...

CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN QUẢN LÝ THỦY SẢN

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU BIÊN BẢN XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG TÀU CÁ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG TÀU CÁ CHÌM, ĐẮM DO TAI
 NẠN KHÔNG THỂ TRỤC VỐT**

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi gồm có:

1. Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản:
2. Đại diện Ủy ban nhân dân xã:
3. Đại diện Trạm biên phòng:
4. Chủ tàu/đại diện chủ tàu:, số CCCD:

Cùng nhau xác nhận như sau:

1. Tàu cá có đặc điểm cơ bản sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):

Số đăng ký:

Nơi đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Vùng hoạt động:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

3. Các thông tin khác về tàu (nếu có)

.....

4. Kết luận

Tại thời điểm kiểm tra, tàu đã chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt.

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

.....

.....
.....
Biên bản kết thúc vào lúc ... ngày tháng năm 20...

**CHỦ TÀU/ĐẠI
DIỆN CHỦ TÀU**

(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng
dấu)

**ĐẠI DIỆN
BIÊN PHÒNG**

(Chữ ký/ký số -nếu
có, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN ỦY BAN
NHÂN DÂN XÃ**

(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng
dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
QUẢN LÝ THỦY
SẢN**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi
rõ họ tên, đóng dấu)

Certificate of deregistration of Fishing Vessel/Ships serving aquaculture/()*

Number of registration Issued at, on

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
Full name, signature of duly authorized official

(4) Ghi rõ lý do xóa đăng ký
Note the reason to deregister

5. Tên thủ tục: Cấp phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần - Mã TTHC: 1.004929

(1) Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp phép nhập khẩu tàu cá, cấp phép thuê tàu trần theo Mẫu số 02.NK Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trường hợp không cấp phép thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - 0273.3993890 tại địa chỉ: số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - 0277.3898962 tại địa chỉ: số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- + Đơn đề nghị nhập khẩu tàu cá theo Mẫu số 01.NK Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;
- + Hợp đồng nhập khẩu tàu cá hoặc hợp đồng thuê tàu trần và phải được dịch ra tiếng Việt;
- + Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá hoặc hồ sơ phân cấp tàu cá còn hiệu lực từ 06 tháng trở lên do tổ chức đăng kiểm của nước có tàu cấp và phải được dịch ra tiếng Việt;
- + Giấy xóa đăng ký tàu cá; giấy xác nhận tàu cá không vi phạm khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định của cơ quan có thẩm quyền đối với tàu cá đã qua sử dụng; hồ sơ gốc của tàu (bản vẽ thiết kế tàu, giấy tờ liên quan đến nguồn gốc vỏ, máy và các trang thiết bị trên tàu) và phải được dịch ra tiếng Việt.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhập khẩu tàu cá, cấp phép thuê tàu trần.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01.NK; Mẫu số 02.NK Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá

- Đơn đề nghị nhập khẩu tàu cá;
- Hợp đồng nhập khẩu tàu cá hoặc hợp đồng thuê tàu trần;
- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá hoặc hồ sơ phân cấp tàu cá còn hiệu lực từ 06 tháng trở lên do tổ chức đăng kiểm của nước có tàu cấp;
- Giấy xóa đăng ký tàu cá, Giấy xác nhận tàu cá không vi phạm khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định của cơ quan có thẩm quyền đối với tàu cá đã qua sử dụng; Hợp đồng, thanh lý hợp đồng đóng tàu, đối với tàu cá đóng mới; Hồ sơ gốc của tàu (bản vẽ thiết kế tàu, giấy tờ liên quan đến nguồn gốc vỏ, máy và các trang thiết bị trên tàu).

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Quyết định về việc cho phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU TÀU CÁ

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp phép)

Người đề nghị (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá):

Số Giấy đăng ký kinh doanh (Thẻ căn cước/Căn cước công dân/mã số định danh cá nhân):.....

Nơi thường trú

Nội dung đề nghị và hình thức nhập khẩu tàu cá:

Mua tàu ☐ Thuê tàu trần ☐

Kê khai lý lịch của các tàu cá đề nghị nhập khẩu:

Tàu cá số 1:

Tên tàu: Vật liệu:.....

Kiểu tàu: Công dụng:

Năm và nơi đóng

Chủ tàu Quốc tịch:

Nơi thường trú

Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu cá:

Chiều dài lớn nhất $L_{\max}$ (m)..... Chiều dài thiết kế L_{tk} (m).....

Chiều rộng lớn nhất $B_{\max}$ (m)..... Chiều rộng thiết kế

Chiều cao mạn D (m)..... B_{tk} (m).....

Tổng dung tích.....(GT) Chiều chìm d (m).....

Số lượng máy Trọng tải(DW)

Tổng công suất (kW).....

Kiểu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo

Tàu cá số 2:

.....

Tàu số 3:

.....

Kính đề nghị: (Tên cơ quan cấp phép).....

Xét duyệt và chấp thuận (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá):

Được phép nhập khẩu các tàu cá (như đã nêu ở trên) để tiến hành hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
 dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngàytháng năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép nhập khẩu tàu cá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ Thông tư số/TT-BNNMT ngày tháng năm 20... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định.....;
Căn cứ Quyết định số/..... ngày tháng năm 20.. của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (Tên cơ quan cấp phép);
Căn cứ hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản;
Xét đơn đề nghị nhập khẩu tàu cá của (tổ chức, cá nhân):;
Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Cho phép (tổ chức, cá nhân).....được nhập khẩu tàu cá với hình thức sau:

Mua tàu ☐

Thuê tàu trần ☐

Tên tàu:

Vật liệu:

Kiểu tàu:

Công dụng:

Năm và nơi đóng

Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu cá:

Chiều dài lớn nhất L_{max} (m)..... Chiều dài thiết kế L_{tk} (m).....

Chiều rộng lớn nhất B_{max} (m)..... Chiều rộng thiết kế B_{tk}

Chiều cao mạn D (m)..... (m).....

Tổng dung tích (GT)..... Chiều chìm d (m).....

Số lượng máy

Trọng tải toàn phần (DW) Tổng công suất (kW)

Kiểu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thủy sản và Kiểm ngư (để b/c);
- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng;
- Cục Hải quan;
- UBND cấp xã nơi chủ tàu cá đăng ký hộ khẩu thường trú;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
CẤP PHÉP**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

6. Tên thủ tục: Công bố mở cảng cá loại I, loại II - Mã TTHC: 1.004694

(1) Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức quản lý cảng cá nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hồ sơ; tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá (trong trường hợp cần thiết), khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công bố mở cảng cá (đối với cảng loại I và cảng loại II) theo Mẫu số 02.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026. Trường hợp không công bố mở cảng cá, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, cơ quan có thẩm quyền thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - 0273.3993890 tại địa chỉ: số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - 0277.3898962 tại địa chỉ: số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- + Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 01.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;
- + Văn bản thành lập Tổ chức quản lý cảng cá;
- + Văn bản thể hiện quyền sử dụng vùng đất của cảng;
- + Biên bản nghiệm thu đã hoàn thành công trình đưa vào sử dụng cảng cá;
- + Thông báo về luồng của cảng và vùng nước trước cầu cảng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01.CC; Mẫu số 02.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;
- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn

kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá

- Đơn đề nghị công bố mở cảng cá;
- Văn bản thành lập Tổ chức quản lý cảng cá;
- Văn bản thể hiện quyền sử dụng vùng đất, vùng nước của cảng;
- Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình cảng cá (áp dụng đối với cảng cá hoàn thành từ sau khi Nghị định số 37/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành - ngày 19/5/2024);
- Thông báo về luồng của cảng và vùng nước trước cầu cảng.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Quyết định công bố mở cảng cá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ MỞ CẢNG CÁ

Kính gửi:

Tổ chức quản lý cảng cá:

Địa chỉ trụ sở:.....

Số điện thoại:.....Email..... Tờn số liên lạc.....

Đề nghị được công bố mở cảng cá với các thông tin như sau:

1. Tên cảng cá:Loại cảng cá:
2. Địa chỉ cảng cá:
3. Chiều dài cầu cảng (mét):
4. Tọa độ: Vĩ độ:N; Kinh độ:.....E
5. Độ sâu trước cầu cảng (mét)
6. Độ sâu vùng nước đậu tàu (mét):.....
7. Thông tin về luồng vào cảng cá:
 - Tọa độ điểm đầu của luồng: Vĩ độ:.....N; Kinh độ:E;
 - Độ sâu luồng (mét):; Chiều rộng luồng (mét):.....
8. Tổng diện tích vùng đất cảng (hecta):
9. Tổng diện tích vùng nước cảng (hecta):.....
10. Lượng hàng thủy sản (được thiết kế) qua cảng (tấn/năm):
11. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động (ngày/tháng/năm):
12. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:
 - a)
 - b)

(Phương án khai thác cảng cá; danh mục các trang thiết bị chủ yếu phục vụ cho bốc dỡ hàng hóa đối với cảng cá loại I, II tại Phụ lục kèm theo đơn này).

Chúng tôi cam đoan và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về cảng cá và pháp luật khác có liên quan. Đề nghị quý cơ quan xem xét, công bố mở cảng cá.

....., ngày..... tháng.... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục

(Kèm theo Đơn đề nghị công bố mở cảng cá ngày ... tháng.....năm...)

A. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC CẢNG CÁ

I. NHIỆM VỤ CẦN THỰC HIỆN

Tổ chức quản lý cảng cá cần bố trí đủ nhân sự thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

1. Điều độ, hướng dẫn, sắp xếp phương tiện ra, vào cảng, neo đậu trong vùng nước cảng cá
 - Bảo đảm có bộ phận tiếp nhận thông tin tàu cập cảng, lưu trữ thông tin, thông báo cho các bộ phận có liên quan;
 - Bảo đảm có bộ phận hướng dẫn tàu cập cảng, bố trí neo đậu, bốc dỡ sản phẩm...
2. Tổ chức thực hiện giám sát sản lượng bốc dỡ qua cảng
 - Thu nhận nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản của tàu cá vào cảng;
 - Trực tiếp giám sát sản lượng bốc dỡ qua cảng, lưu trữ dữ liệu;
 - Ghi biểu mẫu thống kê nghề cá thương phẩm; thống kê sản lượng thủy sản qua cảng;
 - Tổng hợp, báo cáo; lưu trữ dữ liệu theo quy định.....
3. Xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo quy định
Cấp giấy biên nhận, cấp Giấy xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản từ khai thác, lưu trữ dữ liệu.... (nếu có).
4. Phối hợp tham gia công tác kiểm tra, giám sát tại cảng cá
 - Bố trí văn phòng, trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tại cảng;
 - Cung cấp thông tin cho cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tàu cá tại cảng;
 - Cử người tham gia kiểm tra, giám sát....

5. Thông tin

Thông tin về tình hình thời tiết trên hệ thống thông tin của cảng cá; tổ chức trực ban và treo tín hiệu cảnh báo khi có thiên tai theo quy định; thông báo danh sách tàu cá, số người trên tàu đang neo đậu tại vùng nước cảng; tổng hợp, báo cáo theo quy định...

6. Duy tu, bảo dưỡng và duy trì điều kiện hoạt động của cảng

Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng cảng cá đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trong cảng và các nhiệm vụ khác được phân công....

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phân công rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân thuộc tổ chức quản lý cảng cá để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên Mục I.

III. NỘI DUNG KHÁC

.....

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Định kỳ hàng năm, 5 năm, tổ chức quản lý cảng cá tiến hành đánh giá kết quả thực hiện Phương án đã được phê duyệt, báo cáo các cơ quan có liên quan.

**B. DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ CHỦ YẾU PHỤC VỤ CHO BỐC DỠ
HÀNG HÓA (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CẢNG CÁ LOẠI I, II)**

TT	Tên trang thiết bị	Công suất/ năng lực	Cảng cá Loại
1	Cần cầu cố định hoặc di động		
2	Xe nâng hàng		
3	Băng tải		
4	Xe đẩy hàng		
5	Cầu xe nâng		
6	Phương tiện vận chuyển hàng hóa		
7	Trạm cân		
...	Khác		

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (*)

Mẫu số 02.CC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-.....

..., ngày tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố mở cảng cá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM QUYỀN BAN HÀNH (*)

Căn cứ

Căn cứ

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mở cảng cá (tên cảng cá):

Địa chỉ:

Số điện thoại:EmailTần số liên lạc.....

1. Loại cảng cá (I, II):

2. Tọa độ vị trí của cảng cá: Vĩ độ:N; Kinh độ:E

3. Thông số kỹ thuật của cầu cảng:

a) Cầu cảng số 1:...

+ Vị trí điểm đầu của luồng, độ sâu, chiều rộng luồng vào cầu cảng:....

+ Chiều dài cầu cảng:

+ Độ sâu vùng nước trước cầu cảng (mét):

+ Độ sâu vùng nước đậu tàu:

+ Cỡ, loại tàu cá lớn nhất có thể cập cảng:

b) Cầu cảng số...

+ Vị trí điểm đầu của luồng, độ sâu, chiều rộng luồng vào cầu cảng:....

+ Chiều dài cầu cảng:

+ Độ sâu vùng nước trước cầu cảng (mét):

+ Độ sâu vùng nước đậu tàu:

+ Cỡ, loại tàu cá lớn nhất có thể cập cảng:

4. Thông tin luồng vào cảng:

- Tọa độ điểm đầu của luồng: Vĩ độ:.....N; Kinh độ:E;

- Độ sâu của luồng (mét):..... Chiều rộng luồng (mét):.....

5. Độ sâu vùng nước đậu tàu (mét):.....

6. Tổng diện tích vùng đất cảng (ha):

7. Tổng diện tích vùng nước cảng (ha):

8. Năng lực bốc dỡ hàng hóa (lượng hàng hóa theo thiết kế (tấn/năm):
9. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động:
10. Các dịch vụ nghề cá của cảng cá:
11. Tên tổ chức quản lý cảng cá (**):

Địa chỉ.....Điện thoại:.....Email:...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày

Điều 3, (*Tổ chức quản lý cảng cá*), Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
- Bộ NN&MT/Cục
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(*Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

Ghi chú:

(*) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố mở cảng cá loại I và loại II;

(**): Ghi rõ tên tổ chức được giao quản lý cảng cá, trực thuộc cơ quan/đơn vị nào (nếu có).

7. Tên TTHC: Thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản - Mã TTHC: 1.003590

(1) Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm tàu cá quy định Cơ sở đăng kiểm tàu cá loại I thẩm định hồ sơ thiết kế đóng mới, cải hoán, sửa chữa phục hồi tất cả các loại tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; cơ sở đăng kiểm tàu cá loại II thẩm định hồ sơ thiết kế đóng mới, cải hoán, sửa chữa phục hồi tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 24 mét; cơ sở đăng kiểm tàu cá loại III thẩm định hồ sơ thiết kế đóng mới, cải hoán, sửa chữa phục hồi tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 15 mét hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;

b) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ sở đăng kiểm tàu cá kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ;

c) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ sở đăng kiểm tàu cá xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung;

d) Trong thời hạn 20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi), kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá tiến hành thẩm định thiết kế, nếu không đạt yêu cầu thì trả lời tổ chức, cá nhân; nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo Mẫu số 02.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 và ký, đóng dấu thẩm định vào tài liệu thiết kế;

đ) Cơ sở đăng kiểm tàu cá trả kết quả trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Văn phòng Trung tâm Đăng kiểm tàu cá trực thuộc Chi cục Thủy sản Đồng Tháp: *Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Số điện thoại: 02733.839.172 tại địa chỉ: Khu phố Trung Lương, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp.*

- Cơ sở đăng kiểm tàu cá đủ điều kiện được công bố.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ tục hành chính được thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp.
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá theo Mẫu số 01.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT.

+ Hồ sơ thiết kế tàu cá (03 bản).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

(5) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi), kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm tàu cá đủ điều kiện được công bố (*Trung tâm Đăng kiểm tàu cá trực thuộc Chi cục Thủy sản*).

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.

(9) Lệ phí, phí:

Phí thẩm định thiết kế, đóng mới, cải hoán, sửa chữa phục hồi tàu cá: 5% giá thiết kế (Theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính).

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 02.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật, đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo

cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa:

Đơn đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 01.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa:

Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 02.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/
TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/
TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN^(*)

Kính gửi:

Đơn vị thiết kế:

Địa chỉ :

Điện thoại :Fax :Email :

Chúng tôi đề nghị được thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá/tàu công vụ thủy sản/ tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản^(*) với các thông tin như sau:

- Tên/Ký hiệu thiết kế:.....Loại/năm thiết kế:.....

- Các thông số chính của tàu :

+ Chiều dài, $L_{\max}$ (m):... ; Chiều rộng, $B_{\max}$ (m):...; Chiều cao mạn, D (m) :.....

+ Trọng tải toàn phần (DW):..... ; Vật liệu thân tàu :.....

+ Ký hiệu máy chính :.....; Tổng công suất máy chính (kW).....

+ Số lượng máy (chiếc) :..... ; Số lượng thuyền viên:

+ Kiểu và công dụng của tàu:.....

+ Nghề chính^(**):, Nghề kiêm (nếu có):

- Tên/địa chỉ chủ sử dụng thiết kế:.....

.....

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí thẩm định thiết kế theo quy định hiện hành.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
(Chữ ký/ ký số - nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú : () Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.*

*(**) Áp dụng đối với tàu cá*

CHI CỤC THỦY SẢN ĐỒNG THÁP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỆM TÀU CÁ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Đồng tháp, ngày ... tháng ... năm ...



GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

Căn cứ ... () ... và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước.
Theo đề nghị thẩm định thiết kế số ... ngày ... tháng ... năm ... của*

**TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ
CHỨNG NHÂN**

Tên thiết kế: Ký hiệu thiết kế:
 Loại thiết kế: Năm thiết kế:
 Công dụng: Vật liệu thân tàu:
 Nghề chính^(*): Nghề kiêm (nếu có):
 Đơn vị thiết kế:
 Kích thước cơ bản (m): Lmax: ; Bmax: ; D:
 Ltk: ; Btk: ; d:
 Tổng dung tích (GT): ...; Trọng tải toàn phần (DW): ...; Số thuyền viên: ...
 Ký hiệu máy chính :
 Tổng công suất máy chính (kW):; Số lượng máy (chiếc):
 Đã được thiết kế phù hợp với các yêu cầu của (**) và các quy chuẩn, tiêu
 chuẩn kỹ thuật hiện hành.
 Cấp tàu:; Vùng hoạt động:
 Chủ sử dụng thiết kế:
 Địa chỉ:
 Hiệu lực của Giấy chứng nhận thẩm định này là 60 tháng kể từ ngày ký, nếu không
 thay đổi thiết kế đã được thẩm định.
 Những lưu ý:
 Cán bộ thẩm định kỹ thuật:.....

Cấp tại Đồng Tháp, ngày ... tháng ... năm

Nơi nhận:

- Chủ thiết kế (02 bản);
- Đơn vị thẩm (01 bản);
- Lưu đơn vị thẩm định^(***).

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ
(Chữ ký/ ký số - nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích: () Áp dụng đối với tàu cá*

(**) Ghi rõ quy phạm áp dụng

(***) Kèm theo 01 hồ sơ thiết kế tàu cá

8. Tên TTHC: Chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản - Mã TTHC: 1.003563

(1) Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm tàu cá hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng;

b) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ sở đăng kiểm tàu cá kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ;

c) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ sở đăng kiểm tàu cá xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá có văn bản thông báo rõ cho tổ chức, cá nhân bổ sung;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra với tổ chức, cá nhân đề nghị;

đ) Cơ sở đăng kiểm tàu cá tiến hành giám sát an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan. Đối với vật liệu, máy móc, trang thiết bị quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TTBNNMT ngày 01/01/2026, theo tiến độ thi công, trước khi lắp đặt trên tàu, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật nộp Giấy chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy (bản sao và xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu) và xuất trình các tài liệu kèm theo (đối với vật liệu, máy móc, trang thiết bị sản xuất trong nước) hoặc nộp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, chứng nhận chất lượng và xuất trình tài liệu kỹ thuật hướng dẫn lắp đặt, sử dụng, sửa chữa thiết bị của nhà sản xuất (đối với vật liệu, máy móc, trang thiết bị nhập khẩu) hoặc nộp chứng nhận chế tạo, chứng nhận kiểm định theo quy định của pháp luật (bản sao và xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu);

e) Trường hợp máy chính là máy thủy đã qua sử dụng không đáp ứng theo quy định tại điểm đ khoản này thì phải được cơ sở đăng kiểm tàu cá kiểm tra, đánh giá theo Mẫu số 07.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TTBNNMT ngày 01/01/2026;

g) Trường hợp kết quả không đạt yêu cầu, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành giám sát kỹ thuật, cơ sở đăng kiểm tàu cá thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân; trường hợp kết quả đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra, cơ sở đăng kiểm tàu cá cấp cho chủ tàu các giấy tờ:

Biên bản kiểm tra kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 04a.BĐ đến Mẫu số 04o.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

Sổ đăng kiểm tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 06a.BĐ hoặc sổ đăng kiểm tàu công vụ thủy sản Mẫu số 06b.BĐ (đối với trường hợp kiểm tra đóng mới, lần đầu) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TTBNNMT ngày 01/01/2026;

h) Cơ sở đăng kiểm tàu cá trả kết quả trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Văn phòng Trung tâm Đăng kiểm tàu cá trực thuộc Chi cục Thủy sản Đồng Tháp: *Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Số điện thoại: 02733.839.172 tại địa chỉ: Khu phố Trung Lương, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp.*

- Cơ sở đăng kiểm tàu cá đủ điều kiện được công bố.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ tục hành chính được thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp.

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ bao gồm:*

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 03.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

+ Bản chụp hồ sơ thiết kế đã được thẩm định đối với trường hợp đóng mới, cải hoán (không áp dụng khi cơ sở đăng kiểm thực hiện giám sát kỹ thuật đồng thời là cơ sở thẩm định hồ sơ thiết kế).

- *Số lượng hồ sơ: 01 bộ*

(5) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Trung tâm Đăng kiểm tàu cá thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra với tổ chức, cá nhân đề nghị; trường hợp kết quả đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra, cơ sở đăng kiểm tàu cá cấp cho chủ tàu các Biên bản kiểm tra kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 04a.BĐ đến Mẫu số 04o.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm tàu cá đủ điều kiện được công bố (Trung tâm Đăng kiểm tàu cá trực thuộc Chi cục Thủy sản)

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.

(9) Lệ phí, phí: Theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính.

a) Kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá và các trang thiết bị trên tàu cá hàng năm:

$[\text{Tổng dung tích (GT)} \times 2.000 \text{ đồng}] + [(\text{Tổng công suất máy chính} + \text{máy phụ (Kw)}) \times 1.360 \text{ đồng}] + \text{Phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động}$

Trong đó phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động được tính như sau:

- *Đối với tàu cá hoạt động nghề khai thác thủy sản:*

+ Tiền phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động từ 15 mét trở lên là 392.000 đồng;

+ Tiền phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động dưới 15 mét là: 261.000 đồng;

- *Đối với tàu cá hoạt động nghề Hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản:*

+ Tiền phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động từ 15 mét trở lên là 262.000 đồng;

+ Tiền phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động dưới 15 mét là: 131.000 đồng;

b) Kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá và các trang thiết bị trên tàu cá trên đà:

$[\text{Tổng dung tích (GT)} \times 3.500 \text{ đồng}] + [(\text{Tổng công suất máy chính} + \text{máy phụ (Kw)}) \times 2.720 \text{ đồng}] + \text{Phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động}$

Trong đó phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động được tính như sau:

- *Đối với tàu cá hoạt động nghề khai thác thủy sản:*

+ Tiền phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động từ 15 mét trở lên là 522.000 đồng;

+ Tiền phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động dưới 15 mét là: 331.000 đồng;

- *Đối với tàu cá hoạt động nghề Hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản:*

+ Tiền phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động từ 15 mét trở lên là 382.000 đồng;

+ Tiền phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động dưới 15 mét là: 191.000 đồng;

c) Kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá và các trang thiết bị trên tàu cá định kỳ:

[Tổng dung tích (GT) x 5.000 đồng] + [(Tổng công suất máy chính + máy phụ (Kw)) x 4.080 đồng] + Phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động

Trong đó phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động được tính như sau:

- *Đối với tàu cá hoạt động nghề khai thác thủy sản:*

+ Tiền phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động từ 15 mét trở lên là 652.000 đồng;

+ Tiền phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động dưới 15 mét là: 401.000 đồng;

- *Đối với tàu cá hoạt động nghề Hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản:*

+ Tiền phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động từ 15 mét trở lên là 502.000 đồng;

+ Tiền phí kiểm tra thiết bị, phương tiện đối với tàu hoạt động dưới 15 mét là: 251.000 đồng.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 03.BĐ, Mẫu số 04a.BĐ đến Mẫu số 04o.BĐ, Mẫu số 05.BĐ, Mẫu số 06a.BĐ hoặc sổ đăng kiểm tàu công vụ thủy sản, Mẫu số 06b.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản năm 2017 ngày 21/11/2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật, đăng

ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá.

- Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa:

Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá theo Mẫu số 03.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa:

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:

Họ tên người đề nghị:.....;
Địa chỉ:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:.....
Điện thoại..... Fax..... Email.....
Đề nghị cơ sở đăng kiểm kiểm tra(**)..... và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá/tàu công vụ thủy sản/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản(*)
Kích thước cơ bản (m): $L_{\max}$: ; $B_{\max}$: ; D :
 L_{tk} :; B_{tk} : ; d :
Tổng dung tích (GT):.....; Trọng tải toàn phần (DW):; Số thuyền viên: ...
Ký hiệu máy chính:
Tổng công suất máy chính (kW): Số lượng máy chính (chiếc):.....
Thời gian và địa điểm đề nghị kiểm tra:

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí đăng kiểm theo quy định hiện hành.

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU/CHỦ CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích: () Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.*

(**) Ghi rõ: Kiểm tra đóng mới, lần đầu, định kỳ, trên đà, hàng năm hay bất thường.

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT HÀNG NĂM/TRÊN ĐÀ**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC...

....., ngày tháng ... năm 20...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
HÀNG NĂM/TRÊN ĐÀ (*)**

Tên tàu:	Công dụng (nghề):		
Số đăng ký:	Năm, nơi đóng:		
Chủ tàu:	Địa chỉ:		
Nơi kiểm tra:			
Theo yêu cầu kiểm tra hàng năm/trên đà (*) của			
Chúng tôi gồm: 1.			
2.			
3.			
Là đăng kiểm viên của			
Đã kiểm tra an toàn kỹ thuật hàng năm/trên đà (*) tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Kết cấu thân tàu:			
- Phần vỏ:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần thượng tầng:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần sơn tàu (đánh dấu tàu):	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG			
Máy chính 1:			
Ký hiệu máy:	Vòng quay định mức (rpm):		
Công suất, kW:	Số máy:		
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy chính 2:			
Ký hiệu máy:	Vòng quay định mức, rpm:		
Công suất, kW:	Số máy:		
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy chính....			
Máy phụ 1:			
Ký hiệu máy:	Vòng quay định mức, rpm:		
Công suất, kW:	Số máy:		
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy phụ 2:			
Ký hiệu máy:	Vòng quay định mức(rpm):		
Công suất, (kW):	Số máy:		
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy phụ.....			
C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
D. CÁC TRANG THIẾT BỊ		Thoả mãn	Hạn chế
- Cứu sinh:			
- Tín hiệu:			
- VTĐ:			
- Hàng hải:			
- Neo:			
- Lái:			
- Trang thiết bị chữa cháy:			
- Chống thùng, chống chìm:			
- Khai thác:			
- Điện:			
- Lạnh:			
- Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển:			
- Các trang thiết bị khác:			
TÓM TẮT VỀ KẾT QUẢ KIỂM TRA			
	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
1. Thân tàu :			
2. Máy chính, máy phụ:			
3. Các trang thiết bị:			
YÊU CẦU CỤ THỂ			
KẾT LUẬN			
Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kết luận như sau:			
- Trạng thái kỹ thuật:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Vùng hoạt động:			
- Thời hạn đến hết ngày .../.../20..		Với điều kiện phải thực hiện các yêu cầu ứng với:	
Mạn khô,(m):; Trọng tải toàn phần, (DW):; Số thuyền viên, (người):.....			
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:			
Kết quả kiểm tra được ghi vào trang ...Sổ Đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.			
Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, Cơ sở đăng kiểm tàu cá 01 bản			

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**ĐĂNG KIỂM VIÊN**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT LẦN ĐẦU/ĐỊNH KỲ/CẢI HOÁN**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày.....tháng..... năm 20...

**BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
lần đầu/Định kỳ/Cải hoán(*)**

Tên tàu:		Công dụng (nghề):	
Số đăng ký:		Năm, nơi đóng:	
Chủ tàu:			
Địa chỉ:			
Nơi kiểm tra:			
Kích thước	$L_{\max}$ (m) :	$B_{\max}$ (m):	D (m):
	L_{TK} (m) :	B_{TK} (m):	d (m) :
Theo yêu cầu kiểm tra đóng mới (lần đầu)/định kỳ/cải hoán(*) của:			
Chúng tôi gồm:			
1.			
2.			
3.			
Là đăng kiểm viên của cơ sở đăng kiểm.....			
Đã kiểm tra an toàn kỹ thuật đóng mới (lần đầu)/định kỳ/cải hoán(*) tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Kết cấu thân tàu:			
- Phần vỏ:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần thượng tầng:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần sơn tàu (đánh dấu tàu):	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Các tính năng kỹ thuật			
- Tốc độ tự do (hl/h):			
- Đường kính vòng quay trở: Quay phải (m):..... Thời gian (s):.....			
Quay trái (m):..... Thời gian (s):.....			
- Quán tính: Tiến, khoảng cách (m):..... Thời gian (s):.....			
Lùi, khoảng cách (m):..... Thời gian (s):.....			
B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG			
Máy chính 1:			
Ký hiệu máy:	Số máy:	Công suất (N_e , kW):	
Vòng quay định mức n_e (rpm):	Năm:	Nơi chế tạo:	
Kết quả kiểm tra	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy chính 2:			
Ký hiệu máy:	Số máy:	Công suất (N_e , kW):	
Vòng quay định mức n_e (rpm):	Năm:	Nơi chế tạo:	
Kết quả kiểm tra	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy chính.....			
Máy phụ 1:			
Ký hiệu máy:	Công suất, kW:	Số máy:	
Vòng quay định mức, rpm:	Năm:	Nơi chế tạo:	
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy phụ 2:			
Ký hiệu máy:	Công suất, kW:	Số máy:	
Vòng quay định mức, rpm:	Năm:	Nơi chế tạo:	
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy phụ.....			
C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
D. CÁC TRANG THIẾT BỊ	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Cứu sinh:			
- Tín hiệu:			
- VTĐ:			
- Hàng hải:			
- Neo:			
- Lái:			
- Trang thiết bị chữa cháy:			
- Hút khô, chống thùng:			
- Khai thác:			
- Điện:			
- Lạnh:			
- Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển:			
Các trang thiết bị khác:			
TÓM TẮT VỀ KẾT QUẢ KIỂM TRA			
	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
1. Thân tàu :			
2. Máy chính, máy phụ :			

3. Các trang thiết bị:			
YÊU CẦU CỤ THỂ			
KẾT LUẬN			
Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kết luận như sau:			
- Trạng thái kỹ thuật	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Vùng hoạt động:			
- Thời hạn đến hết ngàytháng ... năm 20...với điều kiện phải thực hiện các yêu cầu ứng với:			
Mạn khô, <i>m</i> :; Trọng tải toàn phần,(DW):; Số thuyền viên, <i>người</i> :			
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:			
Kết quả kiểm tra được ghi vào trang Sổ Đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản			
Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản.			

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU **NG KIỂM VIÊN**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT TRƯỚC KHI CẢI HOÁN**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

/ĐKTC

....., ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
TRƯỚC KHI CẢI HOÁN**

Tên tàu:		Công dụng (nghề):	
Số đăng ký:		Năm, nơi đóng:	
Chủ tàu:		Nơi kiểm tra:	
Địa chỉ:			
Thân tàu	$L_{\max}$ (m):..... ;	$B_{\max}$ (m):..... ;	D (m):.....
	L_{TK} (m):..... ;	B_{TK} (m):..... ;	d (m):.....
	Tổng dung tích (GT):	Trọng tải toàn phần (DW):	Vật liệu vỏ:
Máy chính	Ký hiệu:	Công suất định mức (kW):	Nơi chế tạo:
	Số máy:	Vòng quay định mức (v/p):	Năm chế tạo:
	...	...	...
Theo yêu cầu kiểm tra:(*)....., ngày tháng.....năm 20.... của.....			
Chúng tôi gồm:			
Đăng kiểm viên của:			
Đã kiểm tra tàu nói trên và đánh giá như sau:			

I. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẢI HOÁN**A. THÂN TÀU**

.....

.....

.....

.....

B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG, HỆ TRỤC CHÂN VỊT

.....

.....

.....

C. CÁC TRANG THIẾT BỊ

.....

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẢI HOÁN

.....
.....
.....
YÊU CẦU CỤ THỂ
.....
.....
KẾT LUẬN

.....
.....
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:
Biên bản này được lập 03 bản: chủ cơ sở đóng mới/cải hoán 01 bản, chủ tàu 01 bản, Cơ sở Đăng kiểm tàu cá 01 bản

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số-nếu có, ghi rõ họ tên,
đóng dấu-nếu có)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG

MỚI/CẢI HOÁN

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Ghi chú : (*) Ghi rõ nội dung đề nghị cải hoán (vỏ, máy, nghề).

Mẫu số 04d.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT TRƯỚC KHI SỬA CHỮA**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

/ĐKTC

....., ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
TRƯỚC KHI SỬA CHỮA**

Tên tàu:		Công dụng (nghề):	
Số đăng ký:		Năm, nơi đóng:	
Chủ tàu:		Nơi kiểm tra:	
Thân tàu	$L_{\max}$ (m):..... ;	$B_{\max}$ (m):..... ;	D (m):.....
	L_{TK} (m):..... ;	B_{TK} (m):..... ;	d (m):.....
	Tổng dung tích (GT):	Trọng tải toàn phần (DW):	Vật liệu vỏ:
Máy chính	Ký hiệu:	Công suất định mức (kW):	Nơi chế tạo:
	Số máy:	Vòng quay định mức (v/p):	Năm chế tạo:
	...	...	...
Theo yêu cầu kiểm tra:(*)....., ngày tháng.....năm 20.... của.....			
Chúng tôi gồm:			
Đăng kiểm viên của:			
Đã kiểm tra tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Vỏ tàu:			
.....			
Khung xương:			
.....			
Phần thượng tầng:			
Phần sơn và kẻ đường nước, thước nước:			
B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG			
Máy chính:			
.....			
Máy phụ:			
.....			
Hệ thống phục vụ:			
C. HỆ THỰC CHÂN VỊT			
Chân vịt:.....			
Trục chân vịt:.....			
Các chi tiết hệ trục:			
D. CÁC TRANG THIẾT BỊ			
Cứu sinh:			
Tín hiệu:			
Vô tuyến điện:			

Hàng hải:
Neo:
Lái (bánh lái, hệ trục, máy lái):
Trang thiết bị chữa cháy:
Hút khô, chống thùng:
Khai thác:
Điện:
Lạnh:
Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển:
Các trang thiết bị khác:
NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA ĐĂNG KIỂM VIÊN
.....
.....
.....
YÊU CẦU CỤ THỂ
.....
.....
KẾT LUẬN
.....
.....
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:
Biên bản này được lập 03 bản: Chủ tàu 01 bản, chủ cơ sở sửa chữa 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ
 tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG TÀU
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ
 tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Ghi chú : (*) Ghi rõ nội dung sửa chữa (trên đà/định kỳ/bất thường).

Mẫu số 04đ.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA TỪNG PHẦN**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**BIÊN BẢN
KIỂM TRA TỪNG PHẦN**

Tên sản phẩm:.....
 Nơi đóng mới/cải hoán/sửa chữa.....
 Theo yêu cầu:..... ; Ngày tháng năm.....
 Của:.....;
 Chúng tôi gồm:.....
 Đăng kiểm viên của:.....
 Căn cứ vào hồ sơ thiết kế.....và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.
 Kiểm tra từng phần:

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA(*)

.....

YÊU CẦU CỤ THỂ

.....

KẾT LUẬN

.....

Họ tên, chữ ký của những người có mặt khi kiểm tra:

.....

Biên bản này được lập 03 bản ; chủ cơ sở đóng mới/cải hoán 01 bản, chủ tàu 01 bản, Đăng kiểm tàu cá 01 bản.

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số-nếu có, ghi rõ họ tên,
đóng dấu-nếu có)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG**MỚI/CẢI HOÁN**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN()**

Ghi chú:

(*) Không giới hạn độ dài trang, cách ghi và cách biểu diễn bằng các bảng, hình vẽ kỹ thuật đối với nội dung và kết quả kiểm tra.

(**) ĐKV theo chuyên môn.

MẪU BIÊN BẢN THỬ NGHIỆM NGANG
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Số: /ĐKTC **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



....., ngày.....tháng.....năm 20....

BIÊN BẢN THỬ NGHIỆM NGANG

Tên sản phẩm:.....
 Ký hiệu thiết kế:.....
 Đơn vị thi công:.....

Phương pháp thử ☐ Ống thủy bình / ☐ Quả dọi

I. KÍCH THƯỚC CHÍNH CỦA TÀU

- Chiều dài lớn nhất $L_{max} = \dots\dots\dots m$
- Chiều dài hai trụ $L_{pp} = \dots\dots\dots m$
- Chiều rộng lớn nhất $B_{max} = \dots\dots\dots m$
- Chiều rộng thiết kế $B_{tk} = \dots\dots\dots m$
- Chiều cao mạn $D = \dots\dots\dots m$
- Chiều chìm thiết kế $d = \dots\dots\dots m$
- Lượng chiếm nước $\Delta = \dots\dots\dots \text{Tấn}$

II. THÀNH PHẦN THAM GIA THỬ

1. Đại diện đăng kiểm :

-
 -
 -

2. Đại diện thiết kế :

-
 -

3. Đại diện nhà máy :

-
 -

4. Chủ tàu :

-

III. THỜI GIAN THỬ

Từ.....giờ đến.....giờ....., Ngày..... thángnăm.....

IV. ĐỊA ĐIỂM THỬ

Tại :.....Độ sâu nơi thử :

V. THỜI TIẾT

- + Tạnh ráo, nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$
- + Tỷ trọng nước: $\text{tấn}/\text{m}^3$
- + Tốc độ gió: trước, trong và sau khi thử: m/s
- + Tốc độ dòng chảy: m/s

VI. ĐỘ NGHIÊNG BAN ĐẦU

VII. MÓN NƯỚC CỦA TÀU TRƯỚC VÀ SAU KHI THỬ

Món nước (đo tại thước nước)	Mạn trái (m)		Mạn phải (m)	
	Mũi tàu	Lái tàu	Mũi tàu	Lái tàu
- Trước khi thử				
- Sau khi thử				

VIII. GỐC TỌA ĐỘ

- Góc tọa độ của tàu tại :

IX. KHỐI LƯỢNG VẬT DẪN

- Là **04** vị trí vật dẫn: tổng khối lượng là.....kg, chia thành **04** nhóm và được đặt trên.....ở các vị trí sau:

Số nhóm vật dẫn	Vị trí các nhóm vật dẫn	Trọng lượng, P (Kg)	Tay đòn dịch chuyển, Xi (m)	Chiều cao trọng tâm tính từ ĐCB, Zi (m)
I				
II				
III				
IV				

- Sai số khi cân mỗi nhóm: $\Delta P = \dots\dots\dots$ Kg

X. THỨ TỰ DI CHUYỂN CÁC NHÓM VẬT DẪN GÂY NGHIÊNG

- Sai số của khoảng cách di chuyển $\Delta Li = \dots\dots\dots$ mm

Thứ tự di chuyển	Số nhóm vật dẫn		Khoảng cách di chuyển vật dẫn (Li)
	Mạn trái	Mạn phải	
0			
1			
2			
3			
.....			

XI. TRỌNG LƯỢNG THỪA

TT	Tên gọi trọng lượng	Vị trí	Trọng lượng, P (Tấn)	Tọa độ (m)		
				X_g	Y_g	Z_g
1	Nhóm vật dẫn I					
2	Nhóm vật dẫn II					
3	Nhóm vật dẫn III					
4	Nhóm vật dẫn IV					
5	Người vận chuyển vật dẫn					
6	Nhóm đọc, ghi dọi (ống thủy bình) 1					
7	Nhóm đọc, ghi dọi (ống thủy bình) 2					
8	Thùng nước 1					
9	Thùng nước 2					
10	Chỉ huy thử					
11	Giám sát					
12	Dầu máy					
13	...					

XII. TRỌNG LƯỢNG THIỂU

T T	Tên gọi trọng lượng	Vị trí	Trọng lượng, P (Tấn)	Tọa độ (m)		
				X_g	Y_g	Z_g
1						
2						
....						

XIV BẢNG GHI ĐỘ LỆCH CỦA ỐNG THỦY BÌNH

a. Ống thủy bình mũi: Vị trí đặt ống thủy bình :

Khoảng cách giữa 2 đầu ống :(m)

Mạn phải :

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
....										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

Mạn trái :

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

b. Ống thủy bình lái :

Vị trí đặt ống thủy bình :Khoảng cách giữa 2 đầu ống :(m)

Mạn phải :

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

Mạn trái:

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

XV. BẢNG GHI ĐỘ LỆCH CỦA QUẢ DỌI

a. Quả dọi mũi: Vị trí đặt quả dọi : Chiều dài dây dọi :(m)

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	I		II		III		IV		V	
	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

b. Quả dọi lái: Vị trí đặt quả dọi : Chiều dài dây dọi :(m)

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	I		II		III		IV		V	
	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

c. Quả dọi giữa: Vị trí đặt quả dọi : chiều dài dây dọi :(m)

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	I		II		III		IV		V	
	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải
1										
2										
....										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

**CHỦ TÀU/ĐẠI
DIỆN CHỦ TÀU**(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng
dấu)**CƠ SỞ ĐÓNG
TÀU**(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng
dấu)**THIẾT KẾ**(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng
dấu)**ĐĂNG KIỂM
VIÊN**

Mẫu số 04g.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY CHÍNH TẠI BẾN
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC , ngày..... tháng..... năm 20...



BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ MÁY CHÍNH TẠI BẾN(*)

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Ký hiệu máy:; Số máy :.....

Công suất N_e , kW:; Vòng quay định mức n_e , rpm:

Nơi sản xuất :; Năm sản xuất : ...

Số TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (rpm)	Thời gian (min)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm ²	Nhiệt độ dầu bôi trơn, °c	Nhiệt độ nước làm mát, °c		Nhiệt t độ khí xả, °c	áp lực dầu hộp số kg/cm2	Nhiệt độ dầu hộp số, °c
	% Công suất N _e	ứng với % n _e					Vòng trong	Vòng ngoài			
1	Chạy không tải			15							
Chạy tiến											
2	39	50		15							
3	63	63		15							
4	83	73		15							
5	100	82		2÷4h							
Chạy lùi											
6	85	75		15							
7	Chạy ở vòng quay ổn định nhỏ nhất		Theo thực tế	15							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN HÃNG MÁY/CƠ SỞ CUNG

CẤP/SỬA CHỮA
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Ghi chú: () Không áp dụng đối với tàu cá vỏ gỗ. Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.*

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm 20...



BIÊN BẢN THỬ TÀU (Thử đường dài – xuất xưởng)

Tên tàu:.....; Ký hiệu thiết kế:.....

Chủ tàu:.....

Nơi thường trú:.....

Nơi đóng:.....; Năm đóng:.....

Cơ sở đăng kiểm:.....

Tàu đã hoàn thành các bước kiểm tra kỹ thuật và thử tại bến, nay đủ điều kiện thử đường dài.

Khu vực tiến hành cuộc thử :

Trong điều kiện thời tiết:, Độ sâu, mét:

Hướng dòng chảy:, Cấp gió, Bôfo:

A. THÀNH PHẦN THỬ TÀU GỒM:

1. Đại diện Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....

2. Đại diện chủ tàu:.....

3. Đại diện cơ sở đóng, sửa tàu:.....

* Điều khiển tàu : Ông.....bằng T. trường số:.....

Ngày cấp bằng:.....; Nơi cấp:.....

* Phụ trách máy: Ông..... bằng M. trường số:.....

Ngày cấp bằng:.....; Nơi cấp:.....

Cùng thủy thủ đoàn theo đúng quy định thử tàu.

Tàu chạy thử trong điều kiện đủ phao cứu sinh, dụng cụ chống cháy, chống thủng và các yêu cầu khác, đảm bảo hoạt động, sinh hoạt trong thời gian thử tàu.

B. KẾT QUẢ THỬ TÀU

1. Thân tàu: Đã thử các tính năng (có bảng kết quả kèm theo) và nhận thấy:

.....

2. Máy chính và các hệ thống phục vụ máy chính hoạt động :

Nhãn hiệu máy:.....; Công suất, kW:.....; Vòng quay định mức, rpm:.....

Kiểu hộp số:.....; i =

3. Máy phụ:

Nhãn hiệu máy:.....; Công suất, kW:.....; Vòng quay định mức, rpm:.....

Kết quả kiểm tra mục 2 và 3 (có bảng kết quả kèm theo):

.....

4. Hệ trục chân vịt :

Số lượng:.....; Vật liệu trục:.....; đường kính trục (mm) :.....

Chân vịt: D =, mm; Z = ; H/D =, n_{cv} =rpm, θ =

Chiều quay (nhìn từ lái):.....

Kết quả kiểm tra :.....

5. Hệ thống lái, neo:

Kiểu lái:.....; Truyền dẫn lái:.....; lái dự phòng :.....

Tời neo, kiểu:.....; Số lượng neo:.....chiếc
 Trọng lượng (kg/chiếc):..... ; dây neo, dài:.....m
 Đường kính dây neo, $f =$ mm
 Kết quả kiểm tra mục 4 và 5 (có bảng kết quả kèm theo):

6. Trang bị cứu sinh:

* Phao bè, kiểu, *cái*:.....; Dụng cụ nổi, *cái*:
 Phao tròn, *cái*:.....; Phao áo, *cái*:.....
 * Xuồng cấp cứu, kiểu, *cái*:.....
 Kết quả kiểm tra:

7. Trang bị tín hiệu:

* Đèn tín hiệu: Đèn hành trình (*mạn, cột, lái*).....
 * Đèn đánh cá: Xanh:; Trắng:.....; Đỏ:
 Đèn nháy (màu vàng):.....Đèn pha:
 * Đèn neo (trắng):.....; Đèn "mất khả năng điều động" (màu đỏ), *cái*:.....
 * Âm hiệu : Còi, kiểu, *cái*:....; Chuông, kiểu, *cái*:.....; Pháo hiệu, *cái*:.....
 * Vật hiệu: Hình cầu, *cái*:.....; Hình nón, *cái*:.....;Hình thoi, *cái*:.....
 Kết quả kiểm tra:

8. Trang bị hàng hải:

* La bàn lái, kiểu, *cái*:.....; ống nhòm, *cái*:.....
 * Ra đa hàng hải, kiểu:.....; số máy:.....
 * Định vị vệ tinh, kiểu:.....; số máy:.....
 * Dò cá, đo sâu, kiểu:.....; số máy:.....
 * Đèn tín hiệu ban ngày:
 Kết quả kiểm tra:

9. Thiết bị VTĐ:

* Máy thu, phát VTĐ, kiểu:..... ;Công suất, W :.....; số máy:.....
 * Máy đàm thoại sóng ngắn 02 chiều, kiểu:..... ;Công suất, W :.....
 * Các máy VTĐ khác:.....
 Kết quả kiểm tra:

10. Máy khai thác:

* Loại máy:.....; Sức kéo định mức, kg :.....
 Năm, nơi chế tạo:.....
 * Hệ thống động lực dẫn động:.....; Công suất (kW):.....
 * Dụng cụ đánh bắt khác:.....
 * Hệ thống tăng gông:.....
 * Hệ thống ánh sáng (tổng công suất, kW):.....
 Loại đèn, số lượng (*cái*): :.....

11. Hệ cầu:

* Cầu cầu, kiểu:.....; Tầm với, m:..... Sức nâng, kg :.....
 * Pa lăng (*cái*):; Tải trọng (kW):.....; Ròng rọc (*cái*):.....
 Kết quả kiểm tra mục 10, 11:

12. Thiết bị điện:

* Máy phát điện, kiểu:.....; Vòng quay $n_e(rpm)$:.....

Công suất, kW:.....; Điện áp (V):.....
 * Động cơ điện, kiểu:.....; Vòng quay $n_e(rpm)$:.....
 Công suất, kW:.....; Điện áp (V):.....
 * Ấc quy, kiểu:.....; Dung lượng (A/h):.....
 Công suất, kW:.....; Điện áp (V):.....
 Số lượng bình:
 Kết quả kiểm tra:

13. Hệ thống đường ống:

Kết quả kiểm tra:

14. Trang thiết bị chữa cháy:

* Bơm chữa cháy, kiểu bơm:.....; Sản lượng:.....
 Các thiết bị khác:
 Kết quả kiểm tra:

15. Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển:

Kết quả kiểm tra:

16. Thiết bị lạnh:

* Thiết bị lạnh, kiểu máy:.....; Công suất:.....
 Kết quả kiểm tra:

17. Tính năng kỹ thuật của tàu: (có bảng kết quả kèm theo)

* Tốc độ tự do trung bình (hl/h):
 * Đường kính vòng quay trở: Trái (m) :.....; Thời gian (s):.....
 Phải (m) :.....; Thời gian (s):.....
 * Quán tính: Tiến, khoảng cách (m) :.....; Thời gian (s):.....
 Lùi, khoảng cách(m) :.....; Thời gian, (s):.....

C. KẾT LUẬN

Chúng tôi nhất trí đánh giá :.....

Biên bản này được đọc cho mọi người cùng nghe.

Biên bản được lập thành 04 bản: Đăng kiểm 01 bản, chủ tàu 01 bản, cơ sở đóng tàu 02 bản

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ
họ tên, đóng dấu)

**CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN
CHỦ TÀU**
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi
rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG
MỚI, CẢI HOÁN TÀU**
 (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TỐC ĐỘ TÀU

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC , ngày tháng năm ...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TỐC ĐỘ TÀU**

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Kích thước chính ($L_{\max} \times B_{\max} \times D$):

Chiều chìm d , m:; mạn khô f , m:

TTT	Vòng quay máy chính, n_e (rpm)	Công suất máy chính, N_e (kW)	Tốc độ tàu (hl/h)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió	Trạng thái mặt nước (cấp sóng)	Ghi chú
1							
2							
3							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN

CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ
 họ tên, đóng dấu)

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ
 họ tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO QUÁN TÍNH TÀU**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO QUÁN TÍNH TÀU**

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Kích thước chính ($L_{\max}$ x $B_{\max}$ x D):

Chiều chìm d, m:; mạn khô f, m:

TTT	Chế độ	Quãng đường tàu trượt theo quán tính (m, hoặc $L_{\max}$)	Thời gian trượt theo quán tính (s)	Ghi chú
1	Tàu chạy tiến toàn tốc, ngừng máy (stop) → khi tàu dừng (100% công suất)			
2	Tàu chạy tiến toàn tốc, ngừng máy (stop), lùi nhanh → khi tàu dừng (100% công suất)			
3	Tàu chạy lùi toàn tốc, ngừng máy(stop) → khi tàu dừng (100% công suất)			

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN
CHỦ TÀU(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ
họ tên, đóng dấu)**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU**(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ
họ tên, đóng dấu)**ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Mẫu số 04l.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TÍNH NĂNG QUAY TRỞ CỦA TÀU

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm ...


BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO
TÍNH NĂNG QUAY TRỞ CỦA TÀU

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Kích thước chính ($L_{\max} \times B_{\max} \times D$):

Chiều chìm d, m:; mạn khô f, m:

TTT	Hướng quay	Vòng quay máy chính (rpm)	Công suất máy chính, kW	Cấp gió và hướng gió (bofo)	Đường kính vòng lượn (m)	Thời gian lượn vòng (s)	Góc nghiêng ngang khi lượn (độ)	Ghi chú
1	Phải							
2	Trái							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN**CHỦ TÀU**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Mẫu số 04m.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY CHÍNH ĐƯỜNG DÀI**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm ...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ MÁY CHÍNH ĐƯỜNG DÀI(*)**

Tên tàu : ; Ký hiệu thiết kế :

Ký hiệu máy : ; Số máy :

Công suất N_e , kW : ; Vòng quay định mức n_e , rpm:

Nơi sản xuất : ; Năm sản xuất :

Số TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (<i>rpm</i>)	Thời gian (min)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm ²	Nhiệt độ dầu bôi trơn, °C	Nhiệt độ nước làm mát, °C		Nhiệt độ khí xả, °C	áp lực dầu hộp số kg/cm ²	Nhiệt độ dầu hộp số, °C
	% Công suất N _e	ứng với % n _e					Vòng trong	Vòng ngoài			
1	Chạy không tải			15							
Chạy tiến											
2	25	63		15							
3	50	80		15							
4	75	91		15							
5	100	100		4÷6h							
6	110	103		15							
Chạy lùi											
7	100	100		15							
8	Chạy ở vòng quay ổn định nhỏ nhất		Theo thực tế	15							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

.....

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****ĐẠI DIỆN HÃNG/CƠ SỞ CUNG CẤP/SỬA CHỮA MÁY****ĐĂNG KIỂM VIÊN**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: () Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.*

Mẫu số 04n.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY PHỤ LẠI MÁY PHÁT ĐIỆN
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20..



BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ CỤM MÁY PHỤ LẠI MÁY PHÁT ĐIỆN(*)

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Ký hiệu máy:; Số máy :

Công suất N_e , kW:; Vòng quay định mức n_e , rpm:

Nơi sản xuất :; Năm sản xuất :

TT	Chế độ thử		Vòng quay máy máy (rpm)	Thời gian (min)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm ²	Nhiệt độ dầu bôi trơn °C	Nhiệt độ nước làm mát, °C	Công suất máy phát (kW)	Dòng điện (A)	Điện áp (V)	Tần số (Hz)
	% Công suất N _e	ứng với % n _e									
1	Chạy không tải			15							
Chạy có tải											
2	50	80		15							
3	75	91		30							
4	100	100		60							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	CƠ SỞ ĐÓNG TÀU (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	ĐẠI DIỆN HÃNG/CƠ SỞ CUNG CẤP/SỬA CHỮA MÁY (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	ĐĂNG KIỂM VIÊN
--	--	---	-----------------------

Ghi chú: (*)- Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.

- Thử hòa đồng bộ các máy phát, đồng thời thử hoạt động các hệ thống, trang thiết bị, như: Trang thiết bị an toàn, khai thác, hút khô – dằn, cứu hỏa, lái, neo...

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ THỬ THIẾT BỊ NEO

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ THỬ THIẾT BỊ NEO**

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Kiểu neo:; Số lượng, chiếc:.....

Trọng lượng, kg/chiếc:

Kiểu tời neo:; Chiều dài dây neo, m:.....

TT	Chế độ thử	Độ sâu nơi đậu (m)	Chiều dài dây neo thả xuống (m)	Tốc độ kéo neo (m/min)		Ghi chú
				1 neo	2 neo	
1	Thả neo					
2	Kéo neo					

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN**CHỦ TÀU**(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ
họ tên, đóng dấu)**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU**(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ
họ tên, đóng dấu)**ĐĂNG KIỂM VIÊN**

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ CÓ CHIỀU DÀI LỚN NHẤT DƯỚI 12 MÉT**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC...

....., ngày tháng ... năm 20...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ**
(Tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét)

Tên tàu:....., Số đăng ký(*):

Nơi kiểm tra:.....

Theo yêu cầu:.....; Ngày tháng năm.....

Của:.....

Chúng tôi gồm:.....

Đăng kiểm viên của:.....

Tiến hành kiểm tra và xác nhận tàu cá có đặc điểm cơ bản như sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Nơi đăng ký(*):

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Vật liệu vỏ:; Nghề kiếm:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

.....
.....

Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản.

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**ĐĂNG KIỂM VIÊN**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Ghi trong trường hợp cải hoán.

Mẫu số 05.BĐ

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ
THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../ĐKTC **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
N⁰ **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ
THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)**

*Technical and safety certificate of fishing vessel/ships duty fisheries/ships serving
aquaculture (*)*

Tên tàu:..... Số đăng ký: Hồ hiệu:
Name of vessel..... Registration number..... Call sign.....
Chủ tàu: (Vessel's owner)..... Quốc tịch: (Flag).....
Địa chỉ: (Address).....
Năm và nơi đóng: (Year and Place of Build).....
Công dụng (nghề): Vật liệu thân, vỏ:
Used for (fishing gear)..... Materials.....
Tổng dung tích: Trọng tải toàn phần: Số thuyền viên:
Gross tonnage..... Deadweight..... Number of crew.....
Chiều dài, L_{max}:(m) Chiều rộng, B_{max}:(m) Chiều cao mạn, D:(m)
Length overall..... Breadth overall..... Draught.....
Chiều dài thiết kế, L_{tk}:(m) Chiều rộng thiết kế, B_{tk}:(m) Chiều chìm, d:(m)
Length..... Breadth..... Depth.....
Tổng công suất máy chính, Ne (KW): Số lượng máy chính:.....
Total Power..... Number of Engines.....

TT	Ký hiệu máy Type of machine	Số máy Number engines	Công suất, Ne (kW) Power	Năm và nơi chế tạo Year and Place of Build

- Căn cứ vào quy phạm và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước và biên bản kiểm tra kỹ thuật số/ĐKTC, ngày tháng năm

Pursuant to the vessel's technical check minute no:..... dated on

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

Fishing vessel register certify that

- Trạng thái kỹ thuật của tàu: (Technical state of the fishing vessel).....

- Cấp tàu The class	Không hạn chế Unlimited	Hạn chế I Limitations I	Hạn chế II Limitations II	Hạn chế III Limitations III

Được phép hoạt động tại:.....

Allowed to operate at.....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: ngày tháng năm
This certificate is valid until Date.....

Cấp tại ngày tháng năm
Issued at Date.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.

MẪU SỔ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**SỔ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ/TÀU PHỤC VỤ**

NU

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TÀU

Kiểu tàu:

Năm đóng:

Số s

Nơi đóng:

Công dụng (nghề):

Số lượng thuyền viên:

THÂN TÀUKích thước L_{max} , :.....; B_{max} , m :.....; D , m :..... L_{TK} , m :.....; B_{TK} , m :.....; d , m :.....Tổng dung tích (GT).....; Mạn khô f , m :

Trọng tải toàn phần (DW): ...; Vật liệu vỏ:`.....

Hệ thống kết cấu:; Tốc độ tàu :hl/h.

MÁY CHÍNH

Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Máy số 1	Máy số 2	Máy số 3
Ký hiệu máy:			
Số máy:			
Công suất định mức N_e , KW			
Vòng quay định mức n_e , v/ph			
Nơi chế tạo:			

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG SỔ

- Sổ đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản^(*) được lập trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật của tàu, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu và kết quả giám sát kỹ thuật của Đăng kiểm tàu cá trong đóng mới, lần đầu. Các thông số kỹ thuật thoả mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.
- Trạng thái kỹ thuật của tàu theo chu kỳ phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra và xác nhận vào sổ này.
- Sổ đăng kiểm tàu cá dùng trong suốt đời con tàu để ghi các thông số chính bao gồm cấp tàu, mạn khô, trang thiết bị, tổng dung tích.
- Những thay đổi (nếu có) của tàu và các trang thiết bị lắp đặt trên tàu phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra, xác nhận cho đến khi tàu không còn được sử dụng (giải bản, chìm đắm không thể trục vớt).
- Sổ Đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản^(*) phải được lưu giữ trên tàu cùng với Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và các biên bản kiểm tra kỹ thuật do Đăng kiểm tàu cá cấp.

MÁY PHỤ

TT	Ký hiệu máy	Công suất N_e , KW	Vòng quay n_e , v/ph	Công dụng	Nơi chế tạo

THIẾT BỊ ĐẨY TÀU

Đặc tính kỹ thuật	Chân vịt 1	Chân vịt 2	Chân vịt 3
Kiểu:			
Vật liệu chế tạo:			
Vòng quay n_{cv} , v/ph:			
Đường kính D_{cv} , m:			
Số cánh Z:			
Khối lượng, Kg:			
Tỉ số H/D :			

TRANG BỊ HÚT KHÔ/CHỐNG THỦNG

Bơm nước: Số lượng: Lưu lượng: m³/h

Bơm tay: Số lượng: Lưu lượng: m³/h

- Bạt chống thủng
- Xi măng chống thủng
- Phoi xảm, dụng cụ xảm
- Gỗ chống thủng
- Đồ nghề và đinh
- Matít

TRANG BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Máy thu phát vô tuyến MF/HF:
- Máy thu phát vô tuyến điện thoại cực ngắn MF:
- Máy thu phát VHF hai chiều:
- Máy thu truyền tần cố định cứu

THIẾT BỊ KHAI THÁC**Máy khai thác:**

Loại máy	Sức kéo định mức (KG)	Năm, nơi chế tạo

Hệ thống động lực dẫn động:

Ký hiệu máy: Công suất (KW):

Lưới: Kích thước:; trọng lượng (KG):

Dụng cụ đánh bắt khác:

Hệ thống tăng gông:

Thiết bị phụ (Trụ ván, puly, con lăn...):

Cầu: Kiểu loại: Số lượng (cái): Vật liệu:

Kết cấu: Tầm với (m):

Tải trọng (KG):; Móc cầu (cái):

Đường kính (cái): Tải trọng (KG): Đường kính (cái):

THIẾT BỊ NEO - CHẴNG BUỘC

Loại neo:; Năm, nơi chế tạo:

Trọng lượng neo: Neo phải: kg Neo trái: ... kg

Chiều dài xích neo: Neo phải: m Neo trái: ... m

Đường kính xích/cáp neo: mm

Thiết bị chằng buộc:

Dây buộc: Loại: Số lượng: ... Chiều dài: m

Cột buộc: Kiểu: Số lượng: ... Vật liệu: ...

THIẾT BỊ LÁI

Lái chính kiểu:; Lái phụ kiểu:

Truyền dẫn lái:

ĐẶC TÍNH HÀNG HẢI

- Tốc độ tự do, hải lý/h:

S

CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI

[illegible]

CHI TIẾT CHU KỲ KIỂM TRA

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất:.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu trên đà

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra tại hàng năm số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04 :
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu trên đà:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*) :
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 trên đà/hàng năm(*).

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu trên đà:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*)
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
....., ngày
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra:
Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
định kỳ.
.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực
hiện từ ngày đến ngày; tại:
.....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số ...
....., ngày
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra:
Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu trên đà
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
hàng năm.
.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
....., ngày
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra:
Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
hàng năm.
.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
....., ngày
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra:

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
....., ngày
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra:
Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
định kỳ.
.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
....., ngày
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra:
Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
hàng năm.
.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
....., ngày
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra:
Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*):
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
trên đà/hàng năm(*).
.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số ...
....., ngày
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra:
Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu trên đà:
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
hàng năm.
.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
....., ngày
Nơi kiểm tra:.....
Thời gian kiểm tra:
Cơ sở đăng kiểm tàu cá
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*):
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
hàng năm.
.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực hiện từ ngày đến ngày; tại:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....

.....

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu trên đà:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

.....

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

1g

Á

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
Số đăng ký:.....
Nơi đăng ký:.....
Ngày đăng ký:.....
Chủ tàu:.....
Nơi thường trú:.....
Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
Số đăng ký:.....
Nơi đăng ký:.....
Ngày đăng ký:.....
Chủ tàu:.....
Nơi thường trú:.....
Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
Số đăng ký:.....
Nơi đăng ký:.....
Ngày đăng ký:.....
Chủ tàu:.....
Nơi thường trú:.....
Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
Số đăng ký:.....
Nơi đăng ký:.....
Ngày đăng ký:.....
Chủ tàu:.....
Nơi thường trú:.....
Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

MẪU SỔ ĐĂNG KIỂM TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN



SỔ ĐĂNG KIỂM
TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TÀU

Số s

Kiểu tàu: Năm đóng:
Nơi đóng:
Công dụng:.....
Số lượng thuyền viên:

THÂN TÀU

Kích thước $L_{max}, m:.....$; $B_{max}, m:.....$; $D, m:.....$
 $L_{TK}, m:.....$; $B_{TK}, m:.....$; $d, m:.....$
Tổng dung tích (GT).....; Mạn khô f, m:
Trọng tải toàn phần (DW):; Vật liệu vỏ:
Hệ thống kết cấu:; Tốc độ tàu :hl/h.

MÁY CHÍNH

Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Máy số 1	Máy số 2	Máy số 3
Ký hiệu máy:			
Số máy:			
Công suất định mức N_e, KW			
Hệ thống điều khiển			

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG SỔ

- Sổ đăng kiểm tàu công vụ thủy sản được lập trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật của tàu, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu và kết quả giám sát kỹ thuật của Đăng kiểm tàu cá trong đóng mới, lần đầu. Các thông số kỹ thuật thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.
- Trạng thái kỹ thuật của tàu theo chu kỳ phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra và xác nhận vào sổ này.
- Sổ đăng kiểm tàu công vụ thủy sản dùng trong suốt đời con tàu để ghi các thông số chính bao gồm cấp tàu, mạn khô, trang thiết bị, tổng dung tích.
- Những thay đổi (nếu có) của tàu và các trang thiết bị lắp đặt trên tàu phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra, xác nhận cho đến khi tàu không còn được sử dụng (giải bản, chìm đắm không thể trục vớt).

MÁY PHỤ

TT T	Ký hiệu máy	Công suất N _e , KW	Vòng quay n _e , v/ph	Công dụng	Nơi chế tạo

THIẾT BỊ ĐẨY TÀU

Đặc tính kỹ thuật	Chân vịt 1	Chân vịt 2	Chân vịt 3
Kiểu:			
Vật liệu chế tạo:			
Vòng quay n _{cv} , v/ph:			
Đường kính D _{cv} , m:			
Số cánh Z:			
Khối lượng, Kg:			
Tỉ số H/D:			

TRANG BỊ HÚT KHÔ/CHỐNG THỦNG

Bơm nước: Số lượng: Lưu lượng: m³/h
Bơm tay: Số lượng: Lưu lượng: m³/h

- Bạt chống thủng
 - Xi măng chống thủng
 - Phoi xảm, dụng cụ xảm
- Gỗ chống thủng
 - Đồ nghề và đinh
 - Matít

TRANG BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Máy thu phát vô tuyến MF/HF:
- Máy thu phát vô tuyến điện thoại cực ngắn MF:

THIẾT BỊ NÂNG

Kiểu loại:....., Ký hiệu: Vật liệu:
Số lượng (cái): Hệ thống điều khiển:
Kết cấu: Tầm với (m):
Tải trọng (KG):; Móc cầu (cái):
Pa lăng (cái):.....; Tải trọng (KG):.....; Ròng rọc(cái): ...

THIẾT BỊ LẠNH

● Máy nén: Số lượng: cái
Áp suất nén: KG/cm² Tác nhân lạnh:
Năm và nơi sản xuất:
● Bình ngưng Số lượng: cái Dung tích:m³
Áp suất : KG/cm²
Năm và nơi sản xuất:

TRANG BỊ CỨU HOẢ

Bơm nước: Số lượng: Lưu lượng: m³/h

THIẾT BỊ NEO - CHẰNG BUỘC

Loại neo: ; Năm, nơi chế tạo:
Trọng lượng neo: Neo phải:..... kg Neo trái: kg
Chiều dài xích neo: Neo phải:..... m Neo trái: m
Đường kính xích neo: mm

Thiết bị chằng buộc:

Dây buộc: Loại: Số lượng: Chiều dài: m
Cột buộc: Kiểu: Số lượng: Vật liệu:

THIẾT BỊ LÁI

Lái chính lái phụ: Lái phụ lái chính:

--

This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a guide for handwriting practice. There are no margins, text, or other markings on the page.

CÁC THAY ĐỔI THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA TÀU HOẶC CÁC TRANG THIẾT BỊ TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC

NGÀY THÁNG	NỘI DUNG	XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

CHU KỲ KIỂM TRA SAU KHI CẤP SỔ CỦA TÀU

[illegible]

CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI

.....

.....

.....

.....

.....

CHI TIẾT CHU KỲ KIỂM TRA

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất:.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*).....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 trên đà/hàng năm(*).

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực
 hiện từ ngày đến ngày; tại:

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu trên đà
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 3/trên đà(*).....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu trên đà:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra tại hàng năm số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04 :
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực
 hiện từ ngày đến ngày; tại:
 Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu trên đà:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực
 hiện từ ngày đến ngày; tại:

 Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngàythángnăm ...

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà(*) :
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 trên đà/hàng năm(*).

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu trên đà:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực
 hiện từ ngày đến ngày; tại:

.....
 Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu trên đà
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...
, ngày
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực hiện từ ngày đến ngày; tại:

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu trên đà:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...

....., ngày

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

....., ngày

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...

TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Tên tổ chức:.....
 Địa chỉ:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Tên tổ chức:.....
 Địa chỉ:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Tên tổ chức:.....
 Địa chỉ:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Tên tổ chức:.....
 Địa chỉ:.....
 Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT MÁY THỦY ĐÃ QUA SỬ DỤNG TRƯỚC KHI LẮP ĐẶT XUỐNG TÀU

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC.....

....., ngày..... tháng..... năm 20...



BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT MÁY THỦY ĐÃ QUA SỬ DỤNG TRƯỚC KHI LẮP ĐẶT XUỐNG TÀU

Theo yêu cầu của:.....

Chúng tôi gồm:

- 1.....
- 2.....
- 3.....

Là đăng kiểm viên tàu cá thuộc Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....

Tiến hành kiểm tra kỹ thuật máy thủy đã qua sử dụng của..... và đánh giá
tình trạng kỹ thuật của máy thủy đã qua sử dụng như sau:

I. KIỂM TRA BÊN NGOÀI ⁽¹⁾

TT	Nội dung kiểm tra	Các thông số/tình trạng kỹ thuật	Đánh giá	
			Thỏa mãn	Không thỏa mãn
	Nhà sản xuất			
	Ký hiệu máy:			
	Số máy:	Trên thân máy		
		Trên nhãn máy		
	Công suất máy, Ne (kW)			
	Vòng quay định mức (rpm)			
	Năm/nơi chế tạo			
	Số xy lanh (chiếc)			
	Nắp máy, thân máy và các thiết bị phụ vụ máy			
	Hệ thống đồng hồ đo áp lực dầu			
0	Hệ thống đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát			
1	Hệ thống đồng hồ đo nhiệt độ khí xả			
2	Đồng hồ đo vòng quay máy			

II. THỬ HOẠT ĐỘNG ⁽²⁾

TT	Nội dung đánh giá		Đánh giá
----	-------------------	--	----------

		Kết quả	Thông số kỹ thuật cho phép	Thỏa mãn	Không thỏa mãn
	Thử khởi động máy liên tục từ trạng thái nguội ⁽³⁾				
	Thử vòng quay ổn định thấp nhất, $n_{\min}$ (rpm) ⁽⁴⁾				
	Thử tăng tốc và giảm tốc đột ngột, nhiều lần (không dưới 3 lần) ⁽⁵⁾ .				
	Thử tốc độ lớn nhất, $n_{\max}$ (rpm) ⁽⁶⁾ .				
	Áp lực dầu bôi trơn (kg/cm ²)				
	Nhiệt độ dầu bôi trơn (°C)				
	Nhiệt độ nước làm mát vòng trong (°C)				
	Nhiệt độ khí xả (°C)				

III. KẾT LUẬN

Căn cứ kết quả kiểm tra, Đăng kiểm viên kết luận: Máy thủy đã qua sử dụng đủ điều kiện hay không đủ điều kiện lắp đặt trên tàu cá:.....

**CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN
CHỦ TÀU**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN NHÀ SẢN
XUẤT/CƠ SỞ CUNG
CẤP/SỬA CHỮA MÁY**
(Ký tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Máy không nứt, vỡ, hàn vá, móp méo; các chữ, số in trên nhãn máy rõ ràng phù hợp với tài liệu kỹ thuật của máy; các đồng hồ đo còn đầy đủ, nguyên vẹn.

(2) Thử tại xưởng. Cho phép thử sau khi đã lắp đặt xuống tàu đối với trường hợp chủ tàu cam kết chịu trách nhiệm tháo máy đưa ra khỏi tàu nếu kết quả thử không thỏa mãn.

(3) Khởi động 12 lần đối với động cơ đảo chiều; 6 lần đối với động cơ không đảo chiều; quá trình thử không cấp thêm không khí nén cho bình khí nén khởi động máy (hoặc điện năng cho ắc qui khởi động máy); máy khởi động dễ dàng, không có lần thử nào không đạt kết quả.

(4) Khi máy chạy đã nóng, giảm lượng cấp nhiên liệu đến mức tối thiểu, máy làm việc ổn định ở chế độ vòng quay nhỏ hơn 30% vòng quay định mức, trong thời gian ≥ 10 min.

(5) Động cơ làm việc ổn định, không tự dừng, không có tiếng gõ bất thường của các cơ cấu chuyển động.

(6) Tốc độ tối đa của động cơ không vượt quá 115% vòng quay định mức./.

**DANH MỤC VẬT LIỆU, MÁY MÓC VÀ TRANG THIẾT BỊ LẮP ĐẶT
TRÊN TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY
SẢN (*)**

STT	TÊN SẢN PHẨM	CƠ SỞ THỰC HIỆN
I	Vật liệu, máy móc, trang thiết bị sử dụng trên tàu	
1	Vật liệu	
1.1	Vật liệu kim loại - Thân tàu	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
1.1.1	Vật liệu tấm	
1.1.2	Vật liệu định hình	
1.1.3	Vật liệu đúc	
1.1.4	Vật liệu rèn	
1.2	Vật liệu composite (nhựa và sợi) – thân tàu	
1.3	Vật liệu để chế tạo trục chân vịt, trục lái	
2	Động cơ đốt trong	
2.1	Máy chính	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
2.2	Máy phụ	
2.3	Bu lông chân máy chính, chân hộp số	
3	Thiết bị neo và chằng buộc	
3.1	Xích neo và bộ phận liên quan	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
3.2	Neo và phụ tùng	
3.3	Chặn xích	
3.4	Tời neo	
3.5	Tời dây	
3.6	Cáp kéo và chằng buộc	
4	Trang bị hệ cửa và nắp hầm	
4.1	Nắp hầm (đối tàu kim loại, Composite)	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
4.2	Thiết bị thủy lực	
4.3	Cửa hút lô có nắp thép	
4.4	Cửa mũi, cửa lái, cửa mạn	
4.5	Cửa kín nước	
4.6	Cửa kín thời tiết	

4.7	Cửa chống cháy	
5	Thiết bị lái và máy lái	
5.1	Bánh lái	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
5.2	Trục lái	
5.3	Ổ đỡ	
5.4	Đòn lái	
5.5	Bu lông nối liên kết đòn lái	
5.6	Máy lái	
5.7	Thiết bị điện cảnh báo và kiểm soát máy lái	
6	Bơm, Van và ống	
6.1	Van dùng cho hệ thống ống cấp I, II, III; van dầu hàng; van an toàn; van phòng sóng (van tự động một chiều), van thông biển, van thoát mạn và van áp suất chân không	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
6.2	Ống cấp I và II	
6.3	Bơm	
6.4	Xi lanh, động cơ, bơm thủy lực	
7	Nồi hơi, bình áp lực và hệ thống làm lạnh	
7.1	Nồi hơi	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
7.2	Thiết bị sinh hơi (trên 0,35Mpa)	
7.3	Thiết bị dầu nóng và nước nóng (phục vụ hệ động lực)	
7.4	Thiết bị tự động và an toàn (kiểm soát áp suất, nhiệt độ, mức nước và van an toàn) cung cấp theo từng tàu.	
7.5	Van an toàn	
7.6	Bình chịu áp lực PV-1; PV-2	
7.7	Hệ thống làm lạnh	
7.8	Tủ/hộp kiểm soát và cảnh báo của nồi hơi	
8	Thiết bị điện và tự động	
8.1	Tổ hợp máy phát	

8.2	Máy phát	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
8.3	Động cơ điện, động cơ phòng nổ	
8.4	Tổ hợp máy phát điện sự cố	
8.5	Bảng điện chính	
8.6	Bảng điện phụ	
8.7	Bảng điện sự cố	
8.8	Bảng nạp và phóng	
8.9	Bàn điều khiển tập trung buồng máy	
8.10	Bàn điều khiển tập trung buồng lái	
8.11	Nguồn cấp, hệ điều khiển và cáp điện	
8.12	Tủ điện điều khiển	
8.13	Tủ/hộp kiểm soát và cảnh báo của máy chính/phụ	
8.14	Hệ thống điều khiển từ xa máy chính (kể cả các cảm biến)	
8.15	Thiết bị ngắt mạch chính	
8.16	Thiết bị chuyển đổi điện	
8.17	Tổ hợp bảng khởi động điện	
9	Trục và thiết bị đẩy	
9.1	Trục trung gian và ổ đỡ	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
9.2	Trục chân vịt	
9.3	Ống bao trục	
9.4	Ổ đỡ ống bao	
9.5	Chân vịt	
9.6	Hệ đẩy kiểu Z	
9.7	Khớp nối cứng, khớp nối mềm	
9.8	Bu lông nối trục	
9.9	Hệ đẩy khác	
9.10	Chân vịt có bước điều khiển được	

10	Trang thiết bị cứu sinh	
10.1	Bè cứu sinh (gồm bè cứng và bơm hơi)	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
10.2	Xuồng cấp cứu	
10.3	Phao bè tự thổi	
10.4	Dụng cụ nổi	
10.5	Thiết bị hạ (gồm cần hạ, tời, puly, cơ cấu nhả và dây)	
10.6	Phao tròn	QCVN 02-21: 2015/BNNMT TCVN 7283:2008
10.7	Phao áo	QCVN 02-21: 2015/BNNMT TCVN 7282:2008
11	Phương tiện tín hiệu	
11.1	Đèn tín hiệu hàng hải	QCVN 02-21: 2015/BNNMT
11.2	Đèn tín hiệu nhấp nháy (chóp)	QCVN 02-21: 2015/BNNMT
11.3	Đèn tín hiệu đánh cá	QCVN 02-21: 2015/BNNMT
11.4	Phương tiện tín hiệu âm thanh	QCVN 02-21: 2015/BNNMT
11.5	Pháo hiệu, vật hiệu	QCVN 02-21: 2015/BNNMT
12	Trang thiết bị phục vụ khai thác thủy sản	
12.1	Các loại tời thu, thả lưới	QCVN 64:2015/BGTVT TCVN 8393:2021; TCVN 8394:2012 TCVN 8394:2012
12.2	Máy thu, thả câu	QCVN 64:2015/BGTVT TCVN 10596:2015
12.3	Hệ thống tăng gông	QCVN 64:2015/BGTVT
12.4	Hệ cẩu	QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
II	Thiết bị đảm bảo an toàn tại cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	
1	Phao neo, buộc tàu cá tại các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão	QCVN 72: 2014/BGTVT
2	Phao tín hiệu dẫn luồng cho cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão	
3	Đệm chống va cho cầu cảng	QCVN 21:2025/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT

Ghi chú:

(*) Vật liệu, máy móc, trang thiết bị khác chưa có tên trong Phụ lục này thì thực hiện việc kiểm tra theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Tên thủ tục: Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (vì mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu, hợp tác quốc tế) - Mã TTHC: 1.003851

(1) Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo quy định đến Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định (có thể thành lập Hội đồng thẩm định đối với trường hợp nhiệm vụ bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo giống ban đầu, hợp tác quốc tế không phải do cơ quan nhà nước phê duyệt); lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc tổ chức được giao quản lý khu vực dự kiến khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (nếu có) và xem xét, quyết định cấp Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm. Trường hợp không cấp văn bản chấp thuận thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - 0273.3993890 tại địa chỉ: số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - 0277.3898962 tại địa chỉ: số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- + Đơn đề nghị cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm;
- + Phương án khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo Mẫu số 05 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025. Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có hiệu lực theo thời gian thực hiện nhiệm vụ bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo giống ban đầu, hợp tác quốc tế.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 03 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025;

b) Phương án khai thác theo Mẫu số 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

+ Đơn đề nghị cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm;

+ Phương án khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm

Mẫu số 03 (Phụ lục IV Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP VĂN BẢN CHẤP THUẬN
KHAI THÁC LOÀI THỦY SẢN NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh

Tên tổ chức/cá nhân:
Giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập tổ chức (đối với tổ chức
- ghi rõ số, ngày cấp, cơ quan cấp):
Mã số định danh/Căn cước/thẻ căn cước công dân (đối với cá nhân):.....
Địa chỉ:
Điện thoại liên hệ:
Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp Văn bản chấp thuận khai thác loài
thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, chi tiết như sau:
1. Mục đích khai thác:
2. Đối tượng, thời gian, phương tiện, ngư cụ khai thác:

TT	Tên loài		Số lượng/ khối lượng khai thác	Vùng khai thác	Thời gian khai thác (dự kiến)	Phương tiện khai thác	Ngư cụ khai thác
	Tên tiếng Việt	Tên khoa học					
1							
2							
...							

3. Tài liệu chứng minh mục đích khai thác thủy sản nguy cấp, quý, hiếm:
- Số ký hiệu văn bản ký kết hợp tác quốc tế cấp quốc gia về cho, tặng, trao đổi loài
thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (do cơ quan có thẩm quyền cấp) đối với trường hợp khai
thác vì mục đích hợp tác quốc tế):.....
- Số ký hiệu Quyết định phê duyệt đề cương nghiên cứu khoa học, bảo tồn, nghiên
cứu tạo giống ban đầu (do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp) đối với trường hợp
khai thác vì mục đích nghiên cứu khoa học, bảo tồn, nghiên cứu tạo giống ban đầu):
.....
- Số ký hiệu văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đề nghị cấp văn
bản chấp thuận (do cơ quan có thẩm quyền cấp):

4. Các tài liệu, hồ sơ kèm theo (nếu có)

Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng mục đích, phương án khai thác và quy định
pháp luật về thủy sản.

....., ngày tháng năm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu/chữ ký số (nếu có))

Mẫu số 04 (Phụ lục IV Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC LOÀI THỦY SẢN NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

1. Đặt vấn đề:

Giới thiệu về chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành, quá trình thực hiện các hoạt động có liên quan,... của đơn vị tư vấn, tổ chức, cá nhân thực hiện việc khai thác; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và những nghiên cứu đã được thực hiện ở địa bàn trước đây và các thông tin khác có liên quan. Số liệu đánh giá tổng thể về quần thể loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm trên thế giới (nếu có) và ở Việt Nam.

2. Tổng quan khu vực thực hiện:

Nêu rõ địa điểm, ranh giới, diện tích khu vực khai thác; hiện trạng nguồn lợi thủy sản ở khu vực dự kiến khai thác.

3. Phương pháp, thời gian thực hiện (thống kê các nội dung điều tra và các phương pháp đã thực hiện các nội dung đó, kèm theo các mẫu biểu nếu có):

4. Đề xuất phương án khai thác: Phương tiện, công cụ, hình thức khai thác.

5. Kết quả dự kiến của nhiệm vụ bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo giống ban đầu, hợp tác quốc tế:

6. Kết luận và kiến nghị:

7. Phụ lục: Trình bày những thông tin chưa được nêu trong phần kết quả như: danh mục loài thủy sản, các bảng số liệu, hình ảnh và các tài liệu khác có liên quan.

8. Tài liệu tham khảo:.....

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ/chữ ký số (nếu có))

Mẫu số 05 (Phụ lục IV Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
 V/v chấp thuận khai thác loài thủy sản
 nguy cấp, quý, hiếm

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Trên cơ sở hồ sơ của (tổ chức/cá nhân), hồ sơ thẩm định của (tên cơ quan được giao thẩm định), Sở Nông nghiệp và Môi trường đồng ý cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm cho:

Tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Giấy phép đăng ký kinh doanh/Thông tin cá nhân:

Giấy phép khai thác thủy sản số (nếu có):

Khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm phục vụ mục đích, chi tiết như sau:

TT	Tên loài		Số lượng/ khối lượng khai thác	Vùng khai thác	Thời gian khai thác	Phương tiện khai thác	Loại nghề khai thác
	Tên tiếng Việt	Tên khoa học					
1							
2							
...							

Giao [tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp xã] kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn quản lý.

Tổ chức, cá nhân khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có trách nhiệm thực hiện theo đúng mục đích, phương án khai thác và quy định pháp luật có liên quan.

Văn bản này có giá trị đến hết ngày tháng.... năm

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quản lý NN về thủy sản cấp tỉnh (để p/h);
- Cơ quan quản lý NN về thủy sản thuộc Bộ NN&MT (để b/c);
-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
 dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

10. Tên thủ tục: Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) - Mã TTHC: 1.004923

1. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo quy định đến Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý;

d) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng. Trường hợp không công nhận và không giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - 0273.3993890 tại địa chỉ: số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 – 0277.3898962 tại địa chỉ: số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng;
- b) Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý;
- c) Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng;
- d) Biên bản họp tổ chức cộng đồng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- a) Thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ;
- b) Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức cộng đồng.

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025;

b) Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025;

c) Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025;

d) Biên bản họp tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không**(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

a) Đơn đề nghị công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng;

b) Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý;

c) Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng;

d) Biên bản họp tổ chức cộng đồng.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản

Mẫu số 01 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VÀ GIAO QUYỀN QUẢN LÝ
CHO TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu

Tên tôi là:..... Giới tính:.....
 Ngày tháng năm sinh:..... Dân tộc:
 Mã số định danh/Thẻ căn cước/Căn cước công dân:.....
 Nghề nghiệp:.....
 Chỗ ở hiện tại:.....
 Số điện thoại liên hệ:.....
 Là người đại diện cho [Tên tổ chức cộng đồng]:

Số lượng thành viên:(Danh sách thành viên tổ chức cộng đồng kèm theo)

Từ nhu cầu và sự tự nguyện của các thành viên trong cộng đồng với mục tiêu cùng chia sẻ quyền hạn, trách nhiệm trong quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản với Nhà nước, chúng tôi [Tên tổ chức cộng đồng], được thành lập theo Quyết định số ngày.....tháng năm (nếu có), nhận thấy [khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý] có nguồn lợi thủy sản cần được quản lý và bảo vệ nhằm duy trì sinh kế bền vững cho người dân có hoạt động thủy sản tại đây. Do đó, các thành viên [Tên tổ chức cộng đồng] đã thảo luận và thống nhất xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận và giao quyền quản lý tại [khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý] để thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản, với nội dung chính như sau:

1. Quyền quản lý đề nghị được giao [theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Luật Thủy sản].
2. Vị trí, ranh giới khu vực địa lý đề nghị được giao [nêu rõ tên khu vực và tọa độ khu vực (nếu có)].
3. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng (Chi tiết tại hồ sơ gửi kèm).

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu..... xem xét, quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho [Tên tổ chức cộng đồng].

Chúng tôi cam kết sẽ quản lý khu vực được giao theo nội dung được công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tuân thủ các quy định của pháp luật./.

....., ngày thángnăm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức (nếu có))

Danh sách thành viên tổ chức cộng đồng:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Số người trong hộ làm nghề liên quan đến thủy sản	Chỗ ở hiện tại	Khai thác thủy sản					Nuôi trồng thủy sản					Nghề khác	
					Số đăng ký tàu cá	Chiều dài tàu cá (m)	Nghề khai thác thủy sản	Ngư trường khai thác chính	Nguồn thu nhập (chính/phụ)	Khu vực nuôi	Diện tích nuôi	Đôi tượng nuôi	Hình thức nuôi	Nguồn thu nhập (chính/phụ)	Tên nghề	Nguồn thu nhập (chính/phụ)
A	Thành viên là hộ gia đình															
B	Thành viên là cá nhân															

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

(Chữ ký của người có thẩm quyền;
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức (nếu có))

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý gồm các thông tin chủ yếu như sau:

1. Thông tin chung

- a) Tổ chức cộng đồng: tên tổ chức cộng đồng; số lượng thành viên.
- b) Khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý: vị trí, ranh giới, tọa độ (nếu có), bao gồm sơ đồ vị trí khu vực kèm theo.

2. Sự cần thiết thực hiện đồng quản lý

(Nêu thông tin về hiện trạng nguồn lợi thủy sản, hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, du lịch giải trí kết hợp hoạt động thủy sản, kinh tế xã hội; khó khăn, thách thức tại khu vực thực hiện đồng quản lý; dự kiến những vấn đề có thể khắc phục khi thực hiện đồng quản lý hoặc thông tin khác (nếu có) để từ đó thấy được sự cần thiết thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực nêu trên)

3. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực thực hiện đồng quản lý

- a) Mục tiêu, đối tượng thủy sản cần bảo vệ.
- b) Phương án tổ chức bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.
- c) Phương án tổ chức hoạt động nuôi trồng thủy sản (nếu có).
- d) Phương án tổ chức du lịch giải trí kết hợp hoạt động thủy sản (nếu có).
- đ) Phương án tổ chức hoạt động khác (nếu có).

4. Giải pháp và tổ chức thực hiện phương án

(Nêu chi tiết hoạt động để thực hiện phương án; nhiệm vụ của tổ chức cộng đồng và các bên liên quan để thực hiện phương án và nội dung khác (nếu có))

Mẫu số 03 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG**

Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG**

(Tên tổ chức cộng đồng, nguyên tắc, mục đích hoạt động của tổ chức cộng đồng)

Chương II**THÀNH VIÊN TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG**

(Quy định về đăng ký tham gia tổ chức cộng đồng và chấm dứt tư cách thành viên tổ chức cộng đồng; quyền và nghĩa vụ của thành viên tổ chức cộng đồng; quyền và nghĩa vụ của cá nhân, hộ gia đình không phải là thành viên tổ chức cộng đồng tham gia hoạt động thủy sản tại khu vực đồng quản lý (nếu có))

Chương III**CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG**

Điều....: Ban đại diện của tổ chức cộng đồng

1. Ban đại diện hoặc ban tương đương của tổ chức cộng đồng có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là Ban đại diện) do thành viên tổ chức cộng đồng bầu, có trách nhiệm tổ chức, quản lý hoạt động của tổ chức cộng đồng, kết nối giữa cộng đồng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nhiệm vụ cụ thể

Điều....: Người đại diện tổ chức cộng đồng

1. Người đại diện tổ chức cộng đồng là người thuộc Ban đại diện, do thành viên tổ chức cộng đồng bầu.

2. Nhiệm vụ cụ thể

Điều....: Đội tuần tra, giám sát

1. Đội tuần tra, giám sát do Ban đại diện phân công, thực hiện tuần tra, giám sát, bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực được giao quản lý; phối hợp với cơ quan chức năng và chính quyền địa phương trong hoạt động kiểm tra, giám sát, lập biên bản và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản.

2. Nhiệm vụ cụ thể

Điều....: Đội tự quản

1. Đội tự quản được tổ chức theo nghề khai thác; theo lĩnh vực hoạt động hoặc theo đơn vị hành chính do các thành viên tổ chức cộng đồng tự nguyện tham gia. Đội thực hiện nhiệm vụ theo quy chế của tổ chức cộng đồng và phân công của Ban đại diện.

2. Nhiệm vụ cụ thể.

Điều....: Các đội khác (nếu có)

1. Các đội khác theo nhu cầu của tổ chức cộng đồng.
2. Nhiệm vụ cụ thể. (Mỗi ban, đội có người đứng đầu và các thành viên)

Điều....: Nhiệm vụ của tổ chức cộng đồng: tuyên truyền, tập huấn; tuần tra, kiểm soát; tái tạo nguồn lợi thủy sản; thu thập thông tin, đánh giá hiện trạng nguồn lợi thủy sản, kinh tế xã hội và nhiệm vụ khác (nếu có).

Chương IV

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

Điều....: Bầu cử Ban đại diện, người đại diện của tổ chức cộng đồng.

Điều....: Chế độ họp định kỳ hằng năm hoặc đột xuất của tất cả thành viên tổ chức cộng đồng; chế độ họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban đại diện, Đội tuần tra, giám sát, Đội tự quản và các Đội khác.

Điều....: Tài chính cho hoạt động của tổ chức cộng đồng (quy định về thu, chi và thành lập quỹ cộng đồng (nếu có)).

Điều....: Chia sẻ lợi ích của thành viên trong tổ chức cộng đồng (nếu có).

Điều....: Tuần tra, kiểm soát và phối hợp tuần tra, kiểm soát tại khu vực thực hiện đồng quản lý.

Điều....: Giải thể tổ chức cộng đồng.

Điều....: Cơ chế khác (nếu có).

Chương V

QUY CHẾ VỀ HOẠT ĐỘNG THỦY SẢN

Điều....: Quy định về hoạt động được hoặc không được thực hiện.

Điều....: Quy định cụ thể về: nuôi trồng thủy sản; bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; du lịch giải trí gắn với hoạt động thủy sản; hoạt động khác của tổ chức cộng đồng (nếu có).

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Mẫu số 04 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN HỌP CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

**Thông qua Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản
và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng/ Thông qua nội dung
đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý
cho tổ chức cộng đồng**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức cộng đồng:
2. Số lượng thành viên tổ chức cộng đồng:
3. Thành phần tham dự họp (ghi cụ thể thông tin của đại biểu và số lượng thành viên tổ chức cộng đồng tham dự họp):.....
4. Thời gian, địa điểm tổ chức họp:.....

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự, người chủ trì, người ghi biên bản cuộc họp.

2. Đối với cuộc họp thông qua Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng:

2.1. Bầu người đại diện của tổ chức cộng đồng.

2.2. Thảo luận, thống nhất và biểu quyết thông qua nội dung về:

- Danh sách thành viên tham gia tổ chức cộng đồng.
- Dự thảo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý.
- Dự thảo Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.
- Các vấn đề khác (nếu có).

3. Đối với cuộc họp thông qua nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng:

Thảo luận, thống nhất và biểu quyết thông qua nội dung về [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

- Tên tổ chức cộng đồng (đối với tổ chức cộng đồng không có tư cách pháp nhân).
- Tên người đại diện của tổ chức cộng đồng.
- Phạm vi quyền quản lý được giao.
- Vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao.
- Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.

(Người ghi biên bản ghi đầy đủ ý kiến của các đại biểu tham dự, kết quả biểu quyết thông qua của thành viên tổ chức cộng đồng đối với từng nội dung. *Các dự thảo được thông qua khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham gia tổ chức cộng đồng đồng ý*)

Cuộc họp kết thúc vào hồi....., ngày..... tháng năm tại [tên địa điểm tổ chức cuộc họp].

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị ngang nhau.

ĐẠI DIỆN CỦA CỘNG ĐỒNG

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức
(nếu có))*

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/XÃ THAM DỰ CUỘC HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH, THÀNH
PHỐ/XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC
KHU.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-....

....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng
thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ/XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC
KHU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

Xét văn bản thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận [tên tổ chức cộng đồng] thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản như sau:

1. Người đại diện [tên tổ chức cộng đồng]: Ông/Bà [họ và tên người đại diện của tổ chức cộng đồng], số chứng minh thư/thẻ căn cước, thường trú tại
2. Công nhận Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng kèm theo Quyết định này.
3. Nội dung khác (nếu có)

Điều 2. Giao quyền quản lý cho [tên tổ chức cộng đồng] thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực [vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao] (sơ đồ/bản đồ khu vực địa lý kèm theo Quyết định này).

Phạm vi quyền được giao bao gồm: [ghi cụ thể quyền được giao theo đề nghị của tổ chức cộng đồng và quy định tại Luật Thủy sản].

Nội dung khác (nếu có)

Điều 3. [tên tổ chức cộng đồng] có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, bảo vệ, khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản theo đúng nội dung tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Giao [tên các đơn vị có liên quan...] tổ chức thực hiện, theo dõi, hỗ trợ tổ chức cộng đồng thực hiện nội dung tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này [ghi nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị].

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan [kể tên đơn vị], [tên tổ chức cộng đồng] và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
-
- Lưu: VT,.....

CHỦ TỊCH

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

11. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) - Mã TTHC: 1.004921

1. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo quy định đến Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng. Trường hợp không sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản, trình tự thực hiện như sau:

d1) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân tỉnh và khu dân cư nơi thực hiện đồng quản lý;

d2) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

d3) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng. Trường hợp không sửa đổi, bổ sung thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - 0273.3993890 tại địa chỉ: số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 13 - 0277.3898962 tại địa chỉ: số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng;
- b) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao;
- c) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo Quy chế mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng;
- d) Biên bản họp tổ chức cộng đồng về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

a) Đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ;

b) Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:

- Thông báo nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ;

- Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức cộng đồng.

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025;

b) Biên bản họp tổ chức cộng đồng về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng;

b) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao;

c) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo Quy chế mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng;

d) Biên bản họp tổ chức cộng đồng về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng.

Mẫu số 06 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

**TÊN TỔ CHỨC
CỘNG ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
VÀ GIAO QUYỀN CHO TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu.....

Tên tôi là:..... Giới tính:.....

Là người đại diện cho [Tên tổ chức cộng đồng]

[Tên tổ chức cộng đồng] được công nhận và giao quyền quản lý thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo Quyết định số..... ngày.....của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu.....

Sau một thời gian hoạt động theo các nội dung được công nhận và giao quyền quản lý, chúng tôi đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung như sau [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

1. Tên tổ chức cộng đồng:

- Tên cũ:..... (theo Quyết định thành lập, nếu có);

- Tên mới:..... (theo Quyết định thành lập, nếu có).

2. Người đại diện của tổ chức cộng đồng:

- Người cũ: ghi rõ: họ và tên; số thẻ căn cước công dân; địa chỉ thường trú ;

- Người mới: ghi rõ: họ và tên; số thẻ căn cước công dân; địa chỉ thường trú.

3. Phạm vi quyền quản lý được giao: ghi rõ bổ sung hay loại bỏ quyền được giao theo quy định tại Luật Thủy sản.

4. Vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao;

- Vị trí, ranh giới khu vực cũ (theo Quyết định):

- Vị trí ranh giới khu vực mới (đề nghị điều chỉnh):

5. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản;

6. Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.

(Chi tiết tại hồ sơ gửi kèm²)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu xem xét và quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định sốngày để [Tên tổ chức cộng đồng] hoạt động được hiệu quả hơn.

....., ngày thángnăm

TM. TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức (nếu có))

² Đối với nội dung tại mục 4, 5, 6

Mẫu số 04 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN HỌP CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

**Thông qua Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản
và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng/ Thông qua nội dung
đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý
cho tổ chức cộng đồng**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức cộng đồng:
2. Số lượng thành viên tổ chức cộng đồng:
3. Thành phần tham dự họp (ghi cụ thể thông tin của đại biểu và số lượng thành viên tổ chức cộng đồng tham dự họp):.....
4. Thời gian, địa điểm tổ chức họp:.....

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự, người chủ trì, người ghi biên bản cuộc họp.

2. Đối với cuộc họp thông qua Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng:

2.1. Bầu người đại diện của tổ chức cộng đồng.

2.2. Thảo luận, thống nhất và biểu quyết thông qua nội dung về:

- Danh sách thành viên tham gia tổ chức cộng đồng.
- Dự thảo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý.
- Dự thảo Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.
- Các vấn đề khác (nếu có).

3. Đối với cuộc họp thông qua nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng:

Thảo luận, thống nhất và biểu quyết thông qua nội dung về [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

- Tên tổ chức cộng đồng (đối với tổ chức cộng đồng không có tư cách pháp nhân).
- Tên người đại diện của tổ chức cộng đồng.
- Phạm vi quyền quản lý được giao.

- Vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao.
- Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.
- Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.

(Người ghi biên bản ghi đầy đủ ý kiến của các đại biểu tham dự, kết quả biểu quyết thông qua của thành viên tổ chức cộng đồng đối với từng nội dung. *Các dự thảo được thông qua khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham gia tổ chức cộng đồng đồng ý*)

Cuộc họp kết thúc vào hồi....., ngày..... tháng năm tại [tên địa điểm tổ chức cuộc họp].

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị ngang nhau.

ĐẠI DIỆN CỦA CỘNG ĐỒNG

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức
(nếu có))*

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/XÃ THAM DỰ CUỘC HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH, THÀNH PHỐ
/XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU ...**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

Số:/QĐ-....

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý
cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản
tại**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ/XÃ/PHƯỜNG/
ĐẶC KHU ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật
trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025;

Căn cứ Thông tư số .../2025/TT-BNNMT ngày ... tháng 12 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy
sản;

Căn cứ Quyết định số ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân tỉnh,
thành phố/xã/phường/đặc khu công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng
đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại....;

Theo văn bản thẩm định hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công
nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý
cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại....
chi tiết như sau [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

1. Tên tổ chức cộng đồng:
2. Người đại diện của tổ chức cộng đồng: Ông/Bà [họ và tên người đại diện của tổ
chức cộng đồng], số thẻ căn cước, thường trú tại
3. Phạm vi quyền quản lý được giao.
4. Vị trí, ranh giới khu vực thực hiện đồng quản lý (sơ đồ/bản đồ khu vực địa lý
kèm theo Quyết định này).
5. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản kèm theo Quyết định này.

6. Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng kèm theo Phụ lục Quyết định này.

7. Nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những nội dung không quy định tại Điều 1 Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu.... công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại....

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan [kể tên đơn vị], Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu.....,, [tên tổ chức cộng đồng] và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-
- Lưu: VT,.....

CHỦ TỊCH

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

B. CẤP XÃ

1. Tên TTHC: Công bố mở cảng cá loại III (Mã TTHC: 1.004478)

(1) Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức quản lý cảng cá nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét hồ sơ; tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá (trong trường hợp cần thiết), khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công bố mở cảng cá theo Mẫu số 02.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026. Trường hợp không công bố mở cảng cá, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, cơ quan có thẩm quyền thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - 0273.3993890 tại địa chỉ: số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - 0277.3898962 tại địa chỉ: số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- + Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 01.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;
- + Văn bản thành lập Tổ chức quản lý cảng cá;
- + Văn bản thể hiện quyền sử dụng vùng đất của cảng;
- + Biên bản nghiệm thu đã hoàn thành công trình đưa vào sử dụng cảng cá.
- **Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

(5) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01.CC; Mẫu số 02.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá

- Đơn đề nghị công bố mở cảng cá;
- Văn bản thành lập tổ chức quản lý cảng cá;
- Văn bản thể hiện quyền sử dụng vùng đất, vùng nước của cảng;
- Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình cảng cá

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Quyết định công bố mở cảng cá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ MỞ CẢNG CÁ

Kính gửi:

Tổ chức quản lý cảng cá:

Địa chỉ trụ sở:.....

Số điện thoại:.....Email..... Tần số liên lạc.....

Đề nghị được công bố mở cảng cá với các thông tin như sau:

1. Tên cảng cá:Loại cảng cá:
2. Địa chỉ cảng cá:
3. Chiều dài cầu cảng (mét):
4. Tọa độ: Vĩ độ:N; Kinh độ:.....E
5. Độ sâu trước cầu cảng (mét)
6. Độ sâu vùng nước đậu tàu (mét):.....
7. Thông tin về luồng vào cảng cá:
 - Tọa độ điểm đầu của luồng: Vĩ độ:.....N; Kinh độ:E;
 - Độ sâu luồng (mét):; Chiều rộng luồng (mét):.....
8. Tổng diện tích vùng đất cảng (hecta):
9. Tổng diện tích vùng nước cảng (hecta):.....
10. Lượng hàng thủy sản (được thiết kế) qua cảng (tấn/năm):
11. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động (ngày/tháng/năm):
12. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:
 - a)
 - b)

Chúng tôi cam đoan và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về cảng cá và pháp luật khác có liên quan. Đề nghị quý cơ quan xem xét, công bố mở cảng cá.

....., ngày..... tháng.... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02.CC

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-.....

....., ngày tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố mở cảng cá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ

Căn cứ

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mở cảng cá (tên cảng cá):

Địa chỉ:

Số điện thoại:EmailTần số liên lạc.....

1. Loại cảng cá (III):

2. Tọa độ vị trí của cảng cá: Vĩ độ:N; Kinh độ:E

3. Thông số kỹ thuật của cầu cảng:

a) Cầu cảng số 1:...

+ Vị trí điểm đầu của luồng, độ sâu, chiều rộng luồng vào cầu cảng:....

+ Chiều dài cầu cảng:

+ Độ sâu vùng nước trước cầu cảng (mét):

+ Độ sâu vùng nước đậu tàu:

+ Cỡ, loại tàu cá lớn nhất có thể cập cảng:

b) Cầu cảng số...

+ Vị trí điểm đầu của luồng, độ sâu, chiều rộng luồng vào cầu cảng:....

+ Chiều dài cầu cảng:

+ Độ sâu vùng nước trước cầu cảng (mét):

+ Độ sâu vùng nước đậu tàu:

+ Cỡ, loại tàu cá lớn nhất có thể cập cảng:

4. Thông tin luồng vào cảng:

- Tọa độ điểm đầu của luồng: Vĩ độ:.....N; Kinh độ:E;

- Độ sâu của luồng (mét):..... Chiều rộng luồng (mét):.....

5. Độ sâu vùng nước đậu tàu (mét):.....

6. Tổng diện tích vùng đất cảng (ha):

7. Tổng diện tích vùng nước cảng (ha):

8. Năng lực bốc dỡ hàng hóa (lượng hàng hóa theo thiết kế (tấn/năm):
9. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động:
10. Các dịch vụ nghề cá của cảng cá:
11. Tên tổ chức quản lý cảng cá (*):

Địa chỉ.....Điện thoại:.....Email:...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày

Điều 3, (*Tổ chức quản lý cảng cá*), Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
- Bộ NN&MT/Cục
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(*Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

Ghi chú:

(*) Ghi rõ tên tổ chức được giao quản lý cảng cá, trực thuộc cơ quan/đơn vị nào (nếu có).

2. Tên TTHC: Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý). Mã TTHC - 1.003956

(1) Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo quy định đến Ủy ban nhân dân cấp xã bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý;

d) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng. Trường hợp không công nhận và không giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - 0273.3993890 tại địa chỉ: số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 – 0277.3898962 tại địa chỉ: số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.

- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.

- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng;

b) Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý;

c) Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng;

d) Biên bản họp tổ chức cộng đồng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

a) Thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ;

b) Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức cộng đồng.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025;

b) Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025;

c) Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025;

d) Biên bản họp tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá

- Đơn đề nghị công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng;

- Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý;

- Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng;

- Bản chính biên bản họp tổ chức cộng đồng.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng.

Mẫu số 01 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VÀ GIAO QUYỀN QUẢN LÝ
CHO TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu

Tên tôi là:..... Giới tính:.....
Ngày tháng năm sinh:..... Dân tộc:
Mã số định danh/Thẻ căn cước/Căn cước công dân:.....
Nghề nghiệp:.....
Chỗ ở hiện tại:.....
Số điện thoại liên hệ:.....

Là người đại diện cho [Tên tổ chức cộng đồng]:

Số lượng thành viên:(Danh sách thành viên tổ chức cộng đồng kèm theo)

Từ nhu cầu và sự tự nguyện của các thành viên trong cộng đồng với mục tiêu cùng chia sẻ quyền hạn, trách nhiệm trong quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản với Nhà nước, chúng tôi [Tên tổ chức cộng đồng], được thành lập theo Quyết định số ngày.....tháng năm (nếu có), nhận thấy [khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý] có nguồn lợi thủy sản cần được quản lý và bảo vệ nhằm duy trì sinh kế bền vững cho người dân có hoạt động thủy sản tại đây. Do đó, các thành viên [Tên tổ chức cộng đồng] đã thảo luận và thống nhất xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận và giao quyền quản lý tại [khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý] để thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản, với nội dung chính như sau:

1. Quyền quản lý đề nghị được giao [theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Luật Thủy sản].
2. Vị trí, ranh giới khu vực địa lý đề nghị được giao [nêu rõ tên khu vực và tọa độ khu vực (nếu có)].
3. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng (Chi tiết tại hồ sơ gửi kèm).

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu..... xem xét, quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho [Tên tổ chức cộng đồng].

Chúng tôi cam kết sẽ quản lý khu vực được giao theo nội dung được công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tuân thủ các quy định của pháp luật./.

....., ngày thángnăm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức (nếu có))

Danh sách thành viên tổ chức cộng đồng:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Số người trong hộ làm nghề liên quan đến thủy sản	Chỗ ở hiện tại	Khai thác thủy sản					Nuôi trồng thủy sản					Nghề khác	
					Số đăng ký tàu cá	Chiều dài tàu cá (m)	Nghề khai thác thủy sản	Ngư trường khai thác chính	Nguồn thu nhập (chính/phụ)	Khu vực nuôi	Diện tích nuôi	Đôi tượng nuôi	Hình thức nuôi	Nguồn thu nhập (chính/phụ)	Tên nghề	Nguồn thu nhập (chính/phụ)
A	Thành viên là hộ gia đình															
B	Thành viên là cá nhân															

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

(Chữ ký của người có thẩm quyền;
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức (nếu có))

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý gồm các thông tin chủ yếu như sau:

1. Thông tin chung

- a) Tổ chức cộng đồng: tên tổ chức cộng đồng; số lượng thành viên.
- b) Khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý: vị trí, ranh giới, tọa độ (nếu có), bao gồm sơ đồ vị trí khu vực kèm theo.

2. Sự cần thiết thực hiện đồng quản lý

(Nêu thông tin về hiện trạng nguồn lợi thủy sản, hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, du lịch giải trí kết hợp hoạt động thủy sản, kinh tế xã hội; khó khăn, thách thức tại khu vực thực hiện đồng quản lý; dự kiến những vấn đề có thể khắc phục khi thực hiện đồng quản lý hoặc thông tin khác (nếu có) để từ đó thấy được sự cần thiết thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực nêu trên)

3. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực thực hiện đồng quản lý

- a) Mục tiêu, đối tượng thủy sản cần bảo vệ.
- b) Phương án tổ chức bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.
- c) Phương án tổ chức hoạt động nuôi trồng thủy sản (nếu có).
- d) Phương án tổ chức du lịch giải trí kết hợp hoạt động thủy sản (nếu có).
- đ) Phương án tổ chức hoạt động khác (nếu có).

4. Giải pháp và tổ chức thực hiện phương án

(Nêu chi tiết hoạt động để thực hiện phương án; nhiệm vụ của tổ chức cộng đồng và các bên liên quan để thực hiện phương án và nội dung khác (nếu có))

Mẫu số 03 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

(Tên tổ chức cộng đồng, nguyên tắc, mục đích hoạt động của tổ chức cộng đồng)

Chương II

THÀNH VIÊN TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

(Quy định về đăng ký tham gia tổ chức cộng đồng và chấm dứt tư cách thành viên tổ chức cộng đồng; quyền và nghĩa vụ của thành viên tổ chức cộng đồng; quyền và nghĩa vụ của cá nhân, hộ gia đình không phải là thành viên tổ chức cộng đồng tham gia hoạt động thủy sản tại khu vực đồng quản lý (nếu có))

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

Điều....: Ban đại diện của tổ chức cộng đồng

1. Ban đại diện hoặc ban tương đương của tổ chức cộng đồng có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là Ban đại diện) do thành viên tổ chức cộng đồng bầu, có trách nhiệm tổ chức, quản lý hoạt động của tổ chức cộng đồng, kết nối giữa cộng đồng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nhiệm vụ cụ thể

Điều....: Người đại diện tổ chức cộng đồng

1. Người đại diện tổ chức cộng đồng là người thuộc Ban đại diện, do thành viên tổ chức cộng đồng bầu.

2. Nhiệm vụ cụ thể

Điều....: Đội tuần tra, giám sát

1. Đội tuần tra, giám sát do Ban đại diện phân công, thực hiện tuần tra, giám sát, bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực được giao quản lý; phối hợp với cơ quan chức năng và chính quyền địa phương trong hoạt động kiểm tra, giám sát, lập biên bản và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản.

2. Nhiệm vụ cụ thể

Điều....: Đội tự quản

1. Đội tự quản được tổ chức theo nghề khai thác; theo lĩnh vực hoạt động hoặc theo đơn vị hành chính do các thành viên tổ chức cộng đồng tự nguyện tham gia. Đội thực hiện nhiệm vụ theo quy chế của tổ chức cộng đồng và phân công của Ban đại diện.

2. Nhiệm vụ cụ thể.

Điều....: Các đội khác (nếu có)

1. Các đội khác theo nhu cầu của tổ chức cộng đồng.
2. Nhiệm vụ cụ thể. (Mỗi ban, đội có người đứng đầu và các thành viên)

Điều....: Nhiệm vụ của tổ chức cộng đồng: tuyên truyền, tập huấn; tuần tra, kiểm soát; tái tạo nguồn lợi thủy sản; thu thập thông tin, đánh giá hiện trạng nguồn lợi thủy sản, kinh tế xã hội và nhiệm vụ khác (nếu có).

Chương IV

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

Điều....: Bầu cử Ban đại diện, người đại diện của tổ chức cộng đồng.

Điều....: Chế độ họp định kỳ hằng năm hoặc đột xuất của tất cả thành viên tổ chức cộng đồng; chế độ họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban đại diện, Đội tuần tra, giám sát, Đội tự quản và các Đội khác.

Điều....: Tài chính cho hoạt động của tổ chức cộng đồng (quy định về thu, chi và thành lập quỹ cộng đồng (nếu có)).

Điều....: Chia sẻ lợi ích của thành viên trong tổ chức cộng đồng (nếu có).

Điều....: Tuần tra, kiểm soát và phối hợp tuần tra, kiểm soát tại khu vực thực hiện đồng quản lý.

Điều....: Giải thể tổ chức cộng đồng.

Điều....: Cơ chế khác (nếu có).

Chương V

QUY CHẾ VỀ HOẠT ĐỘNG THỦY SẢN

Điều....: Quy định về hoạt động được hoặc không được thực hiện.

Điều....: Quy định cụ thể về: nuôi trồng thủy sản; bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; du lịch giải trí gắn với hoạt động thủy sản; hoạt động khác của tổ chức cộng đồng (nếu có).

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Mẫu số 04 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN HỌP CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

**Thông qua Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản
và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng/ Thông qua nội dung
đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý
cho tổ chức cộng đồng**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức cộng đồng:
2. Số lượng thành viên tổ chức cộng đồng:
3. Thành phần tham dự họp (ghi cụ thể thông tin của đại biểu và số lượng thành viên tổ chức cộng đồng tham dự họp):.....
4. Thời gian, địa điểm tổ chức họp:.....

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự, người chủ trì, người ghi biên bản cuộc họp.

2. Đối với cuộc họp thông qua Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng:

2.1. Bầu người đại diện của tổ chức cộng đồng.

2.2. Thảo luận, thống nhất và biểu quyết thông qua nội dung về:

- Danh sách thành viên tham gia tổ chức cộng đồng.
- Dự thảo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý.
- Dự thảo Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.
- Các vấn đề khác (nếu có).

3. Đối với cuộc họp thông qua nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng:

Thảo luận, thống nhất và biểu quyết thông qua nội dung về [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

- Tên tổ chức cộng đồng (đối với tổ chức cộng đồng không có tư cách pháp nhân).
- Tên người đại diện của tổ chức cộng đồng.
- Phạm vi quyền quản lý được giao.

- Vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao.
- Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.
- Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.

(Người ghi biên bản ghi đầy đủ ý kiến của các đại biểu tham dự, kết quả biểu quyết thông qua của thành viên tổ chức cộng đồng đối với từng nội dung. *Các dự thảo được thông qua khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham gia tổ chức cộng đồng đồng ý*)

Cuộc họp kết thúc vào hồi....., ngày..... tháng năm tại [tên địa điểm tổ chức cuộc họp].

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị ngang nhau.

ĐẠI DIỆN CỦA CỘNG ĐỒNG

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức
(nếu có))*

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/XÃ THAM DỰ CUỘC HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH, THÀNH
PHỐ/XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC
KHU.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-....

....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng
thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ/XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC
KHU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày ... tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

Xét văn bản thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận [tên tổ chức cộng đồng] thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản như sau:

1. Người đại diện [tên tổ chức cộng đồng]: Ông/Bà [họ và tên người đại diện của tổ chức cộng đồng], số chứng minh thư/thẻ căn cước, thường trú tại

2. Công nhận Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng kèm theo Quyết định này.

3. Nội dung khác (nếu có)

Điều 2. Giao quyền quản lý cho [tên tổ chức cộng đồng] thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực [vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao] (sơ đồ/bản đồ khu vực địa lý kèm theo Quyết định này).

Phạm vi quyền được giao bao gồm: [ghi cụ thể quyền được giao theo đề nghị của tổ chức cộng đồng và quy định tại Luật Thủy sản].

Nội dung khác (nếu có)

Điều 3. [tên tổ chức cộng đồng] có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, bảo vệ, khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản theo đúng nội dung tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Giao [tên các đơn vị có liên quan...] tổ chức thực hiện, theo dõi, hỗ trợ tổ chức cộng đồng thực hiện nội dung tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này [ghi nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị].

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan [kể tên đơn vị], [tên tổ chức cộng đồng] và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
-
- Lưu: VT,.....

CHỦ TỊCH

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

3. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) (Mã TTHC: 1.004498)

(1) Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo quy định đến Ủy ban nhân dân cấp xã bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng. Trường hợp không sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản, trình tự thực hiện như sau:

d1) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp thông báo nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi thực hiện đồng quản lý;

d2) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

d3) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng. Trường hợp không sửa đổi, bổ sung thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - 0273.3993890 tại địa chỉ: số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 13 - 0277.3898962 tại địa chỉ: số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng;

b) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao;

c) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo Quy chế mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng;

d) Biên bản họp tổ chức cộng đồng về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

a) Đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ;

b) Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:

- Thông báo nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ;

- Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức cộng đồng.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025;

b) Biên bản họp tổ chức cộng đồng về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng;

b) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao;

c) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo Quy chế mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng;

d) Biên bản họp tổ chức cộng đồng về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản

Mẫu số 06 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

**TÊN TỔ CHỨC
CỘNG ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
VÀ GIAO QUYỀN CHO TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu.....

Tên tôi là:..... Giới tính:.....

Là người đại diện cho [Tên tổ chức cộng đồng]

[Tên tổ chức cộng đồng] được công nhận và giao quyền quản lý thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo Quyết định số..... ngày.....của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu.....

Sau một thời gian hoạt động theo các nội dung được công nhận và giao quyền quản lý, chúng tôi đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung như sau [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

1. Tên tổ chức cộng đồng:

- Tên cũ:..... (theo Quyết định thành lập, nếu có);

- Tên mới:..... (theo Quyết định thành lập, nếu có).

2. Người đại diện của tổ chức cộng đồng:

- Người cũ: ghi rõ: họ và tên; số thẻ căn cước công dân; địa chỉ thường trú ;

- Người mới: ghi rõ: họ và tên; số thẻ căn cước công dân; địa chỉ thường trú.

3. Phạm vi quyền quản lý được giao: ghi rõ bổ sung hay loại bỏ quyền được giao theo quy định tại Luật Thủy sản.

4. Vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao;

- Vị trí, ranh giới khu vực cũ (theo Quyết định):

- Vị trí ranh giới khu vực mới (đề nghị điều chỉnh):

5. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản;

6. Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.

(Chi tiết tại hồ sơ gửi kèm³)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu xem xét và quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định sốngày để [Tên tổ chức cộng đồng] hoạt động được hiệu quả hơn.

....., ngày thángnăm

TM. TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức (nếu có))

³ Đối với nội dung tại mục 4, 5, 6

Mẫu số 04 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN HỌP CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

**Thông qua Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản
và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng/ Thông qua nội dung
đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý
cho tổ chức cộng đồng**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức cộng đồng:
2. Số lượng thành viên tổ chức cộng đồng:
3. Thành phần tham dự họp (ghi cụ thể thông tin của đại biểu và số lượng thành viên tổ chức cộng đồng tham dự họp):
4. Thời gian, địa điểm tổ chức họp:

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự, người chủ trì, người ghi biên bản cuộc họp.

2. Đối với cuộc họp thông qua Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng:

2.1. Bầu người đại diện của tổ chức cộng đồng.

2.2. Thảo luận, thống nhất và biểu quyết thông qua nội dung về:

- Danh sách thành viên tham gia tổ chức cộng đồng.
- Dự thảo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý.
- Dự thảo Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.
- Các vấn đề khác (nếu có).

3. Đối với cuộc họp thông qua nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng:

Thảo luận, thống nhất và biểu quyết thông qua nội dung về [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

- Tên tổ chức cộng đồng (đối với tổ chức cộng đồng không có tư cách pháp nhân).
- Tên người đại diện của tổ chức cộng đồng.
- Phạm vi quyền quản lý được giao.

- Vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao.
- Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.
- Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.

(Người ghi biên bản ghi đầy đủ ý kiến của các đại biểu tham dự, kết quả biểu quyết thông qua của thành viên tổ chức cộng đồng đối với từng nội dung. *Các dự thảo được thông qua khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham gia tổ chức cộng đồng đồng ý*)

Cuộc họp kết thúc vào hồi....., ngày..... tháng năm tại [tên địa điểm tổ chức cuộc họp].

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị ngang nhau.

ĐẠI DIỆN CỦA CỘNG ĐỒNG

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức
(nếu có))*

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/XÃ THAM DỰ CUỘC HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH, THÀNH PHỐ
/XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU ...**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

Số:/QĐ-....

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý
cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản
tại**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ/XÃ/PHƯỜNG/
ĐẶC KHU ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật
trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025;

Căn cứ Thông tư số .../2025/TT-BNNMT ngày ... tháng 12 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy
sản;

Căn cứ Quyết định số ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân tỉnh,
thành phố/xã/phường/đặc khu công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng
đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại....;

Theo văn bản thẩm định hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công
nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý
cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại....
chi tiết như sau [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

1. Tên tổ chức cộng đồng:
2. Người đại diện của tổ chức cộng đồng: Ông/Bà [họ và tên người đại diện của tổ
chức cộng đồng], số thẻ căn cước, thường trú tại
3. Phạm vi quyền quản lý được giao.
4. Vị trí, ranh giới khu vực thực hiện đồng quản lý (sơ đồ/bản đồ khu vực địa lý
kèm theo Quyết định này).
5. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản kèm theo Quyết định này.

6. Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng kèm theo Phụ lục Quyết định này.

7. Nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những nội dung không quy định tại Điều 1 Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu.... công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại....

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan [kể tên đơn vị], Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu.....,, [tên tổ chức cộng đồng] và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-
- Lưu: VT,.....

CHỦ TỊCH

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

4. Tên thủ tục: Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng (Mã TTHC: 1.004680)

(1) Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp (Phụ lục CITES); loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng đến Ủy ban nhân dân cấp xã bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng;

d) Trường hợp cần kiểm tra thực tế về tính chính xác của thông tin trong sổ theo dõi quá trình nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cấy nhân tạo thì thời gian cấp Giấy xác nhận nguồn gốc là trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. Trường hợp không cấp Giấy xác nhận nguồn gốc thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - 0273.3993890 tại địa chỉ: số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 – 0277.3898962 tại địa chỉ: số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng;
- b) Sổ theo dõi quá trình nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cấy nhân tạo đối với loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ;
- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ trong trường hợp cần kiểm tra thực tế về tính chính xác của thông tin trong sổ theo dõi quá trình nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cấy nhân tạo.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng theo Mẫu số 08 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

a) Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm từ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 06 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT;

b) Sổ theo dõi quá trình nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cấy nhân tạo đối với loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES theo Mẫu số 07 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá

a) Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng;

b) Sổ theo dõi quá trình nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cấy nhân tạo đối với loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng

Mẫu số 06 (Phụ lục IV Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NGUỒN GỐC

Loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm từ nuôi trồng thủy sản/ khai thác từ tự nhiên

Kính gửi: (UBND xã/phường/đặc khu ...).

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị:
 - Đại diện (nếu là tổ chức):
 2. Địa chỉ thường trú/trụ sở công ty (nếu là tổ chức):
 3. Điện thoạiFax; Email
 4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập (nếu có):
 5. Mã số trại nuôi sinh trưởng, sinh sản, trồng cây nhân tạo (nếu có):.....
 6. Địa điểm kiểm tra xác nhận nguồn gốc:
- Đề nghị xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc phụ lục của Công ước quốc tế về buôn bán động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm từ nuôi trồng thủy sản/khai thác từ tự nhiên, cụ thể:
7. Áp dụng đối với trường hợp xác nhận nguồn gốc từ nuôi trồng thủy sản:

Tên, mã số trại nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản và trồng cây nhân tạo	Tên loài nuôi (tên thông thường)	Tên khoa học	Thời gian nuôi	Kích thước trung bình	Số lượng/khối lượng của loài được xác nhận	Ký hiệu đánh dấu theo cá thể (nếu có)

8. Áp dụng đối với trường hợp xác nhận nguồn gốc khai thác từ tự nhiên
- Số văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm số:.... ngày ... tháng ... năm.... do Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp.

Tên loài được phép khai thác (tên thông thường)	Tên khoa học	Tên tàu/số đăng ký, (Nghề khai thác) ¹ (Nếu sử dụng tàu cá)	Vùng ² / khu vực khai thác	Ngày khai thác	Số lượng hoặc khối lượng của loài được xác nhận nguồn gốc (con hoặc kg)	Tổng số lượng hoặc khối lượng được phép khai thác (con hoặc kg)	Số lượng hoặc khối lượng lũy kế tại thời điểm xác nhận (con hoặc kg) ³	Ghi chú

Thông tin khác: (nếu có).....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số (nếu có))

Hồ sơ gửi kèm:

¹ Nghề khai thác theo mã đã được quy định.

² Vùng khai thác theo mã đã được quy định.

³ Tổng số cá thể hoặc khối lượng loài đã được xác nhận nguồn gốc

Mẫu số 07 (Phụ lục IV Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

**SỔ THEO DÕI NUÔI SINH TRƯỞNG, SINH SẢN, TRỒNG CÂY NHÂN TẠO
LOÀI THỦY SẢN NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM, LOÀI THỦY SẢN THUỘC PHỤ LỤC CITES**

1. Họ và tên của tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở nuôi:
2. Địa chỉ (gồm địa chỉ của tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở nuôi và địa điểm nuôi):.....
3. Tên thông thường của loài nuôi:
4. Tên khoa học của loài nuôi:
5. Hình thức nuôi: Nuôi sinh trưởng/nuôi sinh sản/trồng cây nhân tạo
6. Mã số cơ sở nuôi:
7. Thông tin nuôi sinh trưởng (áp dụng đối với trường hợp nuôi sinh trưởng)

Ngày	Tổng số cá thể nuôi				Số lượng con giống	Số lượng cá thể nuôi thương phẩm			Nhập cơ sở mua, sinh sản ...vv)			Xuất cơ sở (bán, cho tặng, chết...)			Ghi chú	Xác nhận của Cơ quan quản lý thủy sản
	Tổng	Đực	Cái	Không xác định		Đực	Cái	Không xác định	Đực	Cái	Không xác định	Đực	Cái	Không xác định		
1	2 = 3+4+5	3 = 7+10-13	4 = 8+11-14	5 = 6+9+12-15	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

Ghi chú:

- Số liệu tại sổ cơ sở nuôi phải ghi chép ngay khi có sự thay đổi và chốt định kỳ vào ngày cuối cùng của tháng.
- Cột 17, cán bộ của Cơ quan cấp mã số ký xác nhận khi kiểm tra các cơ sở nuôi loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES

8. Thông tin nuôi sinh sản

TT	Ngày/ tháng/ năm	Hiện trạng nuôi						Biến động									Nguyên nhân biến động (sinh sản (ghi rõ thế hệ F1, F2...), khai thác, mua, bán, tặng cho, chết, v.v)	Xác nhận của Cơ quan quản lý thủy sản	
		Tổng số cá thể	Bố mẹ		Các cá thể khác			Tăng đàn					Giảm đàn						
			Bố	Mẹ	Đực	Cái	Chưa xác định được giới tính	Bố mẹ		Cá thể khác			Bố mẹ		Cá thể khác				
								Bố	Mẹ	Đực	Cái	Chưa xác định được giới tính	Bố	Mẹ	Đực	Cái			Chưa xác định được giới tính
	<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>	<u>9</u>	<u>10</u>	<u>11</u>	<u>12</u>	<u>13</u>	<u>14</u>	<u>15</u>	<u>16</u>	<u>17</u>	<u>18</u>	<u>19</u>
...																			

Ghi chú:

- Sổ theo dõi sinh sản loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES được lập riêng cho từng loài.
- Số liệu tại sổ, chủ nuôi phải ghi chép ngay khi có sự thay đổi và chốt định kỳ vào ngày cuối cùng của tháng hoặc kết thúc đợt sinh sản của đối tượng nuôi.
- Số cá thể tách khỏi khu nuôi con non được hiểu là khi chủ nuôi bán con giống hoặc con non được gia nhập đàn với các cá thể trưởng thành.

9. Thông tin nuôi sinh sản (áp dụng đối với trường hợp động vật sinh sản bằng hình thức đẻ con)

[illegible]

Ghi chú:

- Sổ theo dõi sinh sản loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES được lập riêng cho từng loài.
- Sổ liệu tại sở, chủ nuôi phải ghi chép ngay khi có sự thay đổi và chốt định kỳ vào ngày cuối cùng của tháng.
- Sổ cá thể tách khỏi khu nuôi nhốt con non được hiểu là khi chủ nuôi bán con giống hoặc con non được gia nhập đàn với các cá thể trưởng thành.

10. Thông tin trồng cây nhân tạo (áp dụng đối với trường hợp trồng cây nhân tạo các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm)

[illegible]

Ghi chú:

Số lượng cây/con giống: Ghi rõ số lượng cây/con giống ban đầu và nguồn gốc số cây giống đó.

Số lượng cây/con trong bình nghiệm: Ghi chép số lượng cây cấy mô nhân giống trong bình vô trùng.

Cây non: Ghi chép số lượng cây/con được đưa ra nuôi trồng. Để có được con số này, ta có thể lấy tổng số cây/con được lấy ra từ bình vô trùng nuôi trồng thành công trong 1 tháng đầu.

Cây/con trưởng thành: Ghi chép số lượng cây/con sống được trong 6 tháng đầu và tiếp tục được nuôi lớn cho đến khi ra sản phẩm xuất bán hoặc tiếp tục một chu kỳ tiếp theo.

Bổ sung: Cột này được sử dụng để ghi chép số cây/con có được do mua từ các cơ sở khác, nhập khẩu. Ngày tiến hành bổ sung số cây/con cũng phải được ghi chép. Cây/con nhập khẩu phải ghi chú nước xuất xứ và số giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu ở cột ghi chú.

Chuyển giao: Cột này được dùng để ghi chép số cây/con xuất khẩu hay bán đi. Cũng cần ghi chép lại ngày những cây/con đó được xuất khẩu hoặc bán đi. Khi xuất khẩu hoặc bán cho các cơ sở nuôi trồng khác thì ghi lại số giấy phép CITES xuất khẩu/giấy phép vận chuyển đặc biệt nếu có ở cột ghi chú.

Ghi chú: Sử dụng cột này để ghi chép những chi tiết về việc khai thác cây/con giống tự nhiên, bổ sung hoặc chuyển giao (ví dụ số giấy phép khai thác, số giấy phép vận chuyển, điểm đến của lô hàng được bán hay xuất khẩu, nguồn thực vật được bổ sung vào cơ sở,)

Phải ghi chép vào sổ khi:

- (1) bổ sung thêm vào cơ sở trồng cấy nhân tạo
- (2) cây/con được trồng cấy nhân tạo tại cơ sở bị chết hoặc bán đi; và
- (3) chuyển cây/con một hạng tuổi sang hạng tuổi khác hoặc giai đoạn này sang giai đoạn khác (ví dụ chuyển cây từ bình vô trùng sang cây non)

Ghi chú: Dành cho chủ cơ sở trồng cây nhân tạo, Cơ quan cấp chứng nhận cơ sở cần lưu để theo dõi sau mỗi lần kiểm tra.

Mẫu số 08 (Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....
ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-XNNGTS

....., ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN NGUỒN GỐC

Loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm từ nuôi trồng thủy sản

Kính gửi: (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị xác nhận).

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

Thông tư số /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Sau khi xem xét hồ sơ và kết quả kiểm tra thực tế, (Tên UBND xã/phường/đặc khu) xác nhận cho:

Tổ chức/cá nhân:

Đại diện (nếu là tổ chức):

Địa chỉ thường trú/trụ sở công ty (nếu là tổ chức):

Điện thoại.....Fax.....; Email

Đã nuôi sinh trưởng/nuôi sinh sản/trồng cây nhân tạo thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm cụ thể:

Tên trại nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản và trồng cây nhân tạo	Tên loài nuôi (tên thông thường)	Tên khoa học	Thời gian nuôi	Kích thước trung bình	Số lượng/khối lượng của loài được xác nhận	Ký hiệu đánh dấu theo cá thể (nếu có)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số (nếu có))

5. Tên thủ tục: Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên - Mã TTHC: 1.004656

(1) Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên đến Ủy ban nhân dân cấp xã bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ và cấp Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên. Trường hợp không cấp Giấy xác nhận.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - 0273.3993890 tại địa chỉ: số 377, Hùng Vương, Phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - 0277.3898962 tại địa chỉ: số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên;
- b) Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm;
- c) Báo cáo khai thác thủy sản, nhật ký khai thác thủy sản;
- d) Tài liệu chứng minh nguồn gốc mẫu vật khai thác từ tự nhiên có xác nhận của Tổ chức quản lý cảng cá hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh tại thời điểm khai thác; hợp đồng mua, bán, cho, tặng có công chứng tại thời điểm mua, bán, cho, tặng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân không phải là người trực tiếp khai thác, đối với trường hợp xác nhận mẫu vật loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm được khai thác từ tự nhiên trước thời điểm quy định cấm khai thác có hiệu lực.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên theo Mẫu số 09 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm khai thác từ tự nhiên theo Mẫu số 06 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá

a) Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên;

b) Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm;

c) Báo cáo khai thác thủy sản, nhật ký khai thác thủy sản;

d) Tài liệu chứng minh nguồn gốc mẫu vật khai thác từ tự nhiên có xác nhận của Tổ chức quản lý cảng cá hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh tại thời điểm khai thác; hợp đồng mua, bán, cho, tặng có công chứng tại thời điểm mua, bán, cho, tặng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân không phải là người trực tiếp khai thác, đối với trường hợp xác nhận mẫu vật loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm được khai thác từ tự nhiên trước thời điểm quy định cấm khai thác có hiệu lực.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên

Mẫu số 06 (Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NGUỒN GỐC

Loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm từ nuôi trồng thủy sản/khai thác từ tự nhiên

Kính gửi: (UBND xã/phường/đặc khu ...).

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị:
- Đại diện (nếu là tổ chức):
2. Địa chỉ thường trú/trụ sở công ty (nếu là tổ chức):
3. Điện thoạiFax; Email
4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập (nếu có):
5. Mã số trại nuôi sinh trưởng, sinh sản, trồng cấy nhân tạo (nếu có):.....
6. Địa điểm kiểm tra xác nhận nguồn gốc:

Đề nghị xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc phụ lục của Công ước quốc tế về buôn bán động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm từ nuôi trồng thủy sản/khai thác từ tự nhiên, cụ thể:

7. Áp dụng đối với trường hợp xác nhận nguồn gốc từ nuôi trồng thủy sản:

Tên, mã số trại nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản và trồng cấy nhân tạo	Tên loài nuôi (tên thông thường)	Tên khoa học	Thời gian nuôi	Kích thước trung bình	Số lượng/khối lượng của loài được xác nhận	Ký hiệu đánh dấu theo cá thể (nếu có)

8. Áp dụng đối với trường hợp xác nhận nguồn gốc khai thác từ tự nhiên

Số văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm số:.... ngày ... tháng ... năm.... do Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp.

Tên loài được phép khai thác (tên thông thường)	Tên khoa học	Tên tàu/số đăng ký, (Nghề khai thác) ¹ (Nếu sử dụng tàu cá)	Vùng ² / khu vực khai thác	Ngày khai thác	Số lượng hoặc khối lượng của loài được xác nhận nguồn gốc (con hoặc kg)	Tổng số lượng hoặc khối lượng được phép khai thác (con hoặc kg)	Số lượng hoặc khối lượng lũy kế tại thời điểm xác nhận (con hoặc kg) ³	Ghi chú

Thông tin khác: (nếu có).....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số (nếu có))

Hồ sơ gửi kèm:

¹ Nghề khai thác theo mã đã được quy định.

² Vùng khai thác theo mã đã được quy định.

³ Tổng số cá thể hoặc khối lượng loài đã được xác nhận nguồn gốc.

Mẫu số 09 (Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....
ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-XNNGTS

....., ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN NGUỒN GỐC

Loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên

Kính gửi: (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị xác nhận).

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

Thông tư số /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

Sau khi xem xét hồ sơ và kết quả kiểm tra thực tế, (UBND xã/phường/đặc khu) xác nhận cho:

Tổ chức/cá nhân:

Đại diện (nếu là tổ chức):

Địa chỉ thường trú/trụ sở công ty (nếu là tổ chức):

Điện thoại..... Fax.....; Email .

Đã khai thác từ tự nhiên loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo Văn bản chấp thuận số:..... có thời hạn từ ngày..... đến ngày....., cụ thể:

Tên loài được phép khai thác (tên thông thường)	Tên khoa học	Tên tàu/số đăng ký, (Nghề khai thác) ¹ (Nếu sử dụng tàu cá)	Vùng ² / khu vực khai thác	Ngày khai thác	Số lượng hoặc khối lượng của loài được xác nhận nguồn gốc (con hoặc kg)	Tổng số lượng hoặc khối lượng được phép khai thác (con hoặc kg)	Số lượng hoặc khối lượng lũy kế tại thời điểm xác nhận (con hoặc kg) ³	Ghi chú

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN UBND XÃ/PHƯỜNG/ ĐẶC KHU

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Nghề khai thác theo mã đã được quy định;

² Vùng khai thác theo mã đã được quy định.

³ Tổng số cá thể hoặc khối lượng loài đã được xác nhận nguồn gốc.